

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM  
CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH, KỸ THUẬT  
KẾT NỐI HỆ THỐNG SIMO<sup>1</sup> QUA KÊNH TIN ĐIỆN (API)**

(Phiên bản 1.0.6)

Hà Nội, 07/2024

<sup>1</sup> Hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý, giám sát và phòng ngừa rủi ro gian lận trong hoạt động thanh toán



## MỤC LỤC

BẢNG GHI NHẬN THAY ĐỔI TÀI LIỆU .....	4
THUẬT NGỮ VIẾT TẮT .....	8
TỔNG QUAN VỀ TÀI LIỆU .....	9
1.1    Mục đích của tài liệu .....	9
1.2    Căn cứ pháp lý .....	9
1.3    Điều kiện kết nối.....	9
MÔ HÌNH KỸ THUẬT KẾT NỐI KHAI THÁC DỊCH VỤ TRÊN HỆ THỐNG SIMO12	
DANH SÁCH DỊCH VỤ TÍCH HỢP .....	14
ĐẶC TẢ CHI TIẾT CÁC DỊCH VỤ TÍCH HỢP.....	17
1.4    Lấy thông tin Token .....	17
1.5    Refresh token .....	18
1.6    Dịch vụ thu thập danh sách TKTT của cá nhân định kỳ .....	19
1.7    Dịch vụ thu thập danh sách TKTT của cá nhân nghi ngờ gian lận.....	23
1.8    Dịch vụ cập nhật lại thông tin TKTT của cá nhân nghi ngờ gian lận .....	26
1.9    Dịch vụ cập nhật thông tin khách hàng mở TKTT của cá nhân.....	29
1.10    Dịch vụ thu thập dữ liệu VĐT KHCN định kỳ .....	33
1.11    Dịch vụ thu thập dữ liệu VĐT KHTC định kỳ .....	36
1.12    Dịch vụ thu thập danh sách VĐT nghi ngờ gian lận .....	40
1.13    Dịch vụ cập nhật lại VĐT nghi ngờ gian lận.....	44
1.14    Dịch vụ cập nhật dữ liệu VĐT KHCN .....	48
1.15    Dịch vụ cập nhật dữ liệu VĐT KHTC.....	52
1.16    Dịch vụ thu thập dữ liệu ban đầu các TKTT của các NHTM.....	56
1.17    Dịch vụ thu thập dữ liệu ban đầu các TKTT nghi ngờ gian lận .....	58
1.18    Dịch vụ thu thập dữ liệu ban đầu các VĐT KHCN .....	61



1.19	Dịch vụ thu thập dữ liệu ban đầu các VDT KHTC.....	64
1.20	Dịch vụ thu thập dữ liệu ban đầu các VDT nghi ngờ gian lận .....	67
1.21	Dịch vụ thu thập thông tin số dư TKĐBTT cho dịch vụ Ví điện tử tại các TGT.....	71
1.22	Dịch vụ thu thập thông tin số dư TKĐBTT cho dịch vụ Ví điện tử tại các ngân hàng hợp tác	76
1.23	Dịch vụ thu thập danh sách TKTT của tổ chức định kỳ .....	78
1.24	Dịch vụ thu thập danh sách TKTT của tổ chức nghi ngờ gian lận .....	82
1.25	Dịch vụ cập nhật lại thông tin TKTT của tổ chức nghi ngờ gian lận.....	85
1.26	Dịch vụ cập nhật lại thông tin khách hàng mở TKTT của tổ chức.....	88
1.27	Dịch vụ thu thập danh sách ĐVCNTT định kỳ .....	92
1.28	Dịch vụ thu thập danh sách ĐVCNTT nghi ngờ gian lận .....	96
1.29	Dịch vụ thu thập danh sách cập nhật ĐVCNTT nghi ngờ gian lận .....	99
1.30	Dịch vụ thu thập danh sách cập nhật ĐVCNTT doanh nghiệp/hộ kinh doanh .....	102
1.31	Dịch vụ thu thập danh sách Thẻ ngân hàng định kỳ .....	106
1.32	Dịch vụ thu thập danh sách Thẻ ngân hàng nghi ngờ gian lận.....	109
1.33	Dịch vụ thu thập danh sách cập nhật Thẻ ngân hàng nghi ngờ gian lận .....	113
1.34	Dịch vụ thu thập danh sách cập nhật Thẻ ngân hàng .....	117
Mẫu 01:	Đăng ký thông tin kết nối hệ thống SIMO qua kênh tin điện (API)	121



Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam

Tài liệu hướng dẫn các tổ chức tín dụng, tổ chức trung gian thanh toán  
kết nối Hệ thống SIMO qua kênh tin điện

## BẢNG GHI NHẬN THAY ĐỔI TÀI LIỆU

Ngày thay đổi	Mục thay đổi	Người thay đổi	Phiên bản	Nội dung
23/07/2024		NHNN	1.0.1	Phát hành tài liệu hướng dẫn lần đầu
11/11/2024		NHNN	1.0.2	<ul style="list-style-type: none"><li>- Mục 1.6 Trường số 16 PhuongThucMoTaiKhoan: sửa định dạng từ String (10 ký tự) thành Integer</li><li>- Mục 1.7, Mục 1.12, Mục 1.13, Mục 1.17, Mục 1.20 Trường NghiNgo: bổ sung thông tin mô tả</li><li>- Mục 1.9 Trường số 3 LoaiID: bỏ ký hiệu x*1 tại cột Bắt buộc, Trường số GioiTinh: sửa định dạng từ String (1 ký tự) thành Integer; trường PhuongThucMoTaiKhoan: sửa định dạng từ String (10 ký tự) thành Integer, trường quocTich sửa tên thành QuocTich.</li><li>- Mục 1.10 Trường số 6 GioiTinh: sửa định dạng từ String (1 ký tự) thành Integer; Trường số 20 đổi tên trường từ quocTich thành QuocTich; Trường số 21 đổi tên trường từ soTaiKhoanDongVNTheGhiNoVDT thành SoTaiKhoanDongVNTheGhiNoVDT</li><li>- Mục 1.11, Mục 1.12, Mục 1.13, Mục 1.20 Trường LoaiVdt: sửa thông tin mô tả</li><li>- Mục 1.11 bỏ trường quocTich, đổi tên trường từ soTaiKhoanDongVNTheGhiNoVDT thành SoTaiKhoanDongVNTheGhiNoVDT</li></ul>



## Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam

### Tài liệu hướng dẫn các tổ chức tín dụng, tổ chức trung gian thanh toán kết nối Hệ thống SIMO qua kênh tin điện

				<ul style="list-style-type: none"><li>- Mục 1.12 trường TenKhacHang sửa cột định dạng thành String (150 ký tự)</li><li>- Mục 1.14, Mục 1.18 Trường quocTich đổi tên thành QuocTich; Trường soTaiKhoanDongVNTheGhiNoVDT đổi tên thành SoTaiKhoanDongVNTheGhiNoVDT</li><li>- Mục 1.15, Mục 1.19 Trường LoaiVtd sửa thông tin mô tả, Trường soTaiKhoanDongVNTheGhiNoVDT sửa tên trường thành SoTaiKhoanDongVNTheGhiNoVDT</li><li>- Mục 1.21 Trường số 3.1, 3.2, 3.3, 4.1, 4.2, 4.3, 5.1, 5.2, 5.3, 6.1, 6.2, 6.3, 7.1, 7.2, 7.3, 8.1, 8.2, 8.3, 9.4 sửa thành Integer (bỏ giới hạn ký tự) tại cột Kiểu dữ liệu và thêm ký hiệu x tại cột Bắt buộc ; trường số 9 bỏ ký hiệu x tại cột Bắt buộc; trường số 9.1 sửa cột Kiểu dữ liệu từ Integer(15 ký tự) thành String (8 ký tự); trường số 9.2 sửa cột Kiểu dữ liệu từ String (250 ký tự) thành String (150 ký tự)</li><li>- Mục 1.22 trường số 3 bỏ ký hiệu x tại cột Bắt buộc; trường số 3.3 sửa thành Integer (bỏ giới hạn ký tự) tại cột Kiểu dữ liệu; trường số 3.1 sửa thành String (8 ký tự).</li><li>- Bổ sung footnode: “Hiện tại API này chưa sử dụng” vào tên các mục 1.16, 1.18, 1.19, 1.20</li></ul>
24/03/2025	NHNN	1.0.3	Cập nhật DANH SÁCH DỊCH VỤ TÍCH HỢP	



## Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam

### Tài liệu hướng dẫn các tổ chức tín dụng, tổ chức trung gian thanh toán kết nối Hệ thống SIMO qua kênh tin điện

24/03/2025		NHNN	1.0.3	Cập nhật tên cột Định dạng thành Kiểu dữ liệu tại các bảng của mục 1.6 đến 1.22
24/03/2025	1.6	NHNN	1.0.3	Sửa tên mục thành Dịch vụ thu thập danh sách TKTT của cá nhân định kỳ
24/03/2025	1.7	NHNN	1.0.3	Sửa tên mục thành Dịch vụ thu thập danh sách TKTT của cá nhân nghi ngờ gian lận
24/03/2025	1.8	NHNN	1.0.3	Sửa tên mục thành Dịch vụ cập nhật lại thông tin TKTT của cá nhân nghi ngờ gian lận
24/03/2025	1.9	NHNN	1.0.3	Sửa tên mục thành Dịch vụ cập nhật lại thông tin khách hàng mở TKTT của cá nhân định kỳ
24/03/2025	1.23	NHNN	1.0.3	Thêm mới Dịch vụ thu thập danh sách TKTT của tổ chức định kỳ
24/03/2025	1.24	NHNN	1.0.3	Thêm mới Dịch vụ thu thập danh sách TKTT của tổ chức nghi ngờ gian lận
24/03/2025	1.25	NHNN	1.0.3	Thêm mới Dịch vụ cập nhật lại thông tin TKTT của tổ chức nghi ngờ gian lận
24/03/2025	1.26	NHNN	1.0.3	Thêm mới Dịch vụ cập nhật lại thông tin của khách hàng mở TKTT của tổ chức định kỳ
01/05/2025		NHNN	1.0.4	Thêm Thuật ngữ viết tắt
01/05/2025	1.27	NHNN	1.0.4	Thêm mới Dịch vụ thu thập danh sách ĐVCNTT định kỳ
01/05/2025	1.28	NHNN	1.0.4	Thêm mới Dịch vụ thu thập danh sách ĐVCNTT nghi ngờ gian lận
01/05/2025	1.29	NHNN	1.0.4	Thêm mới Dịch vụ thu thập cập nhật danh sách ĐVCNTT nghi ngờ gian lận
01/05/2025	1.30	NHNN	1.0.4	Thêm mới Dịch vụ thu thập cập nhật danh sách cập nhật ĐVCNTT doanh nghiệp/hộ kinh doanh
19/05/2025		NHNN	1.0.5	Cập nhật DANH SÁCH DỊCH VỤ TÍCH HỢP



## Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam

**Tài liệu hướng dẫn các tổ chức tín dụng, tổ chức trung gian thanh toán  
kết nối Hệ thống SIMO qua kênh tin điện**

19/05/2025	1.31	NHNN	1.0.5	Thêm mới Dịch vụ thu thập danh sách Thẻ ngân hàng định kỳ
19/05/2025	1.32	NHNN	1.0.5	Thêm mới Dịch vụ thu thập danh sách Thẻ ngân hàng nghi ngờ gian lận
19/05/2025	1.33	NHNN	1.0.5	Thêm mới Dịch vụ thu thập cập nhật danh sách Thẻ ngân hàng nghi ngờ gian lận
19/05/2025	1.34	NHNN	1.0.6	Thêm mới Dịch vụ thu thập cập nhật danh sách cập nhật Thẻ ngân hàng



Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam

*Tài liệu hướng dẫn các tổ chức tín dụng, tổ chức trung gian thanh toán  
kết nối Hệ thống SIMO qua kênh tin điện*

## THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

STT	Thuật ngữ	Ý nghĩa
1	SIMO	System for Information Management and Oversight - Hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý, giám sát và phòng ngừa rủi ro gian lận trong hoạt động thanh toán
2	TT-NHNN	Thông tư ngân hàng nhà nước
3	Cục CNTT	Cục Công nghệ thông tin - Ngân hàng nhà nước Việt Nam
4	VĐT	Ví điện tử
5	TKTT	Tài khoản thanh toán
6	ĐVCNTT	Đơn vị chấp nhận thanh toán
7	TCTD	Tổ chức tín dụng
8	TGTT	Trung gian thanh toán
9	TNH	Thẻ ngân hàng



## TỔNG QUAN VỀ TÀI LIỆU

### 1.1 Mục đích của tài liệu

- Tài liệu này hướng dẫn các tổ chức tín dụng, tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán kết nối các dịch vụ để gửi báo cáo theo quy định tại Thông tư 17, Thông tư 40 và Thông tư 41 qua kênh tin điện (API) của hệ thống SIMO.

- Tài liệu bao gồm các nội dung:

- + Điều kiện kết nối
- + Mô hình kỹ thuật kết nối khai thác dịch vụ trên hệ thống SIMO.
- + Danh sách dịch vụ tích hợp và phương thức giao tiếp.
- + Quy chuẩn định dạng gói tin đầu vào, đầu ra tương ứng mỗi dịch vụ.

### 1.2 Căn cứ pháp lý

- Luật các tổ chức tín dụng 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Thông tư 17/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 của Ngân hàng Nhà nước quy định việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (Thông tư 17);
  - Thông tư 40/2024/TT-NHNN ngày 17/7/2024 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (Thông tư 40);
  - Thông tư 41/2024/TT-NHNN ngày 17/7/2024 của Ngân hàng Nhà nước quy định về giám sát và thực hiện giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng, hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (Thông tư 41);

### 1.3 Điều kiện kết nối

#### 1.3.1 Về đường truyền kết nối:

+ Đối với các đơn vị kết nối với hệ thống SIMO qua đường Extranet (các tổ chức tín dụng), thực hiện các bước sau:

✓ Truy cập vào file ...\\etc\\hosts khai báo các đường dẫn sau:

202.58.245.127 mgsimo.sbv.gov.vn

202.58.245.128 simo.sbv.gov.vn

202.58.245.129 msimo.sbv.gov.vn

✓ Thực hiện thêm Routing trên thiết bị định tuyến của các đơn vị như sau:

Ip route 202.58.245.127 255.255.255.255 next-hop



Ip route 202.58.245.128 255.255.255.255 next-hop

Ip route 202.58.245.129 255.255.255.255 next-hop

- ✓ Đơn vị thực hiện mở chính sách trên tường lửa từ máy trạm đến các máy chủ SIMO cổng 443.
- ✓ Đơn vị đăng ký IP máy truy cập hệ thống SIMO tại công văn đăng ký kết nối hệ thống SIMO (Mẫu 01) gửi Cục CNTT để thực hiện chính sách kết nối.

+ Đối với các đơn vị kết nối với hệ thống SIMO qua đường Internet (các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán): đăng ký danh sách máy trạm kết nối với hệ thống SIMO (bao gồm thông tin địa chỉ IP Public của các máy trạm) tại công văn đăng ký kết nối hệ thống SIMO (Mẫu 01) gửi Cục CNTT để thực hiện chính sách kết nối.

### 1.3.2 Về cấp mới và đăng ký chứng thư số:

Các đơn vị thực hiện thủ tục đăng ký cấp mới chứng thư số hoặc bổ sung nghiệp vụ chứng thư số trên cổng dịch vụ công trực tuyến của NHNN theo quy định tại Điều 4a Thông tư 28/2015/TT-NHNN ngày 18/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước về việc Quy định về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chữ ký số (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 16/2023/TT-NHNN ngày 15/12/2023):

+ Đối với người dùng đã có chứng thư số để ký duyệt báo cáo trên các hệ thống khác của NHNN (ví dụ: Hệ thống Báo cáo Ngân hàng Nhà nước) và người dùng này được phân công ký duyệt báo cáo trên hệ thống SIMO, đơn vị thực hiện thủ tục đăng ký bổ sung nghiệp vụ chứng thư số (đăng ký bổ sung quyền ký duyệt báo cáo trên hệ thống SIMO).

+ Đối với người dùng được phân công ký duyệt báo cáo trên hệ thống SIMO nhưng chưa được NHNN cấp chứng thư số, đơn vị thực hiện thủ tục cấp mới chứng thư số. Thiết bị lưu trữ chứng thư số, đơn vị chủ động trang bị theo đúng chủng loại đã được NHNN hướng dẫn tại Công văn 769/CNTT8 ngày 09/06/2017 của Cục CNTT về việc thông báo chủng loại, thông số kỹ thuật thiết bị lưu trữ chứng thư số và khóa bí mật của Tổ chức CA-NHNN.

**Kích hoạt chứng thư số:** Các chứng thư số cấp mới phải thực hiện thủ tục kích hoạt chứng thư số.

+ Đối với các đơn vị kết nối với hệ thống của NHNN qua đường Extranet (các tổ chức tín dụng): thực hiện kích hoạt chứng thư số theo tài liệu hướng dẫn kích hoạt chứng thư số được đăng tải trên cổng dịch vụ công NHNN tại địa chỉ: <https://www.sbv.gov.vn> mục Dịch vụ công trực tuyến -> DVCTT Toàn trình-> Chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.



+ Đối với các đơn vị kết nối qua đường Internet (các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán): để thực hiện kích hoạt chứng thư số cần đến trực tiếp Cục CNTT<sup>2</sup> (các đơn vị phía Bắc) hoặc Chi Cục CNTT<sup>3</sup> (các đơn vị phía Nam).

### 1.3.3 Về Hồ sơ cấp độ an toàn hệ thống thông tin của TCTD, TGTT kết nối tới hệ thống SIMO qua kênh tin điện:

Hệ thống thông tin của TCTD, TGTT kết nối tới hệ thống SIMO qua kênh tin điện phải có Hồ sơ cấp độ an toàn hệ thống thông tin được phê duyệt, phương án bảo đảm an toàn thông tin phải đáp ứng các yêu cầu an toàn cấp độ 3 trở lên theo quy định tại Nghị định 85/2016/NĐ-CP của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Công văn của đơn vị đăng ký kết nối hệ thống SIMO (Mẫu 01) phải có nội dung cam kết đã đáp ứng các yêu cầu trên.

### 1.3.4 Về username, password, consumer-key và consumer-secret:

Đối với việc kết nối qua kênh tin điện: username, password, consumer key và consumer-secret phục vụ cho việc lấy token (mục 4.1) để khai thác các dịch vụ của hệ thống SIMO.

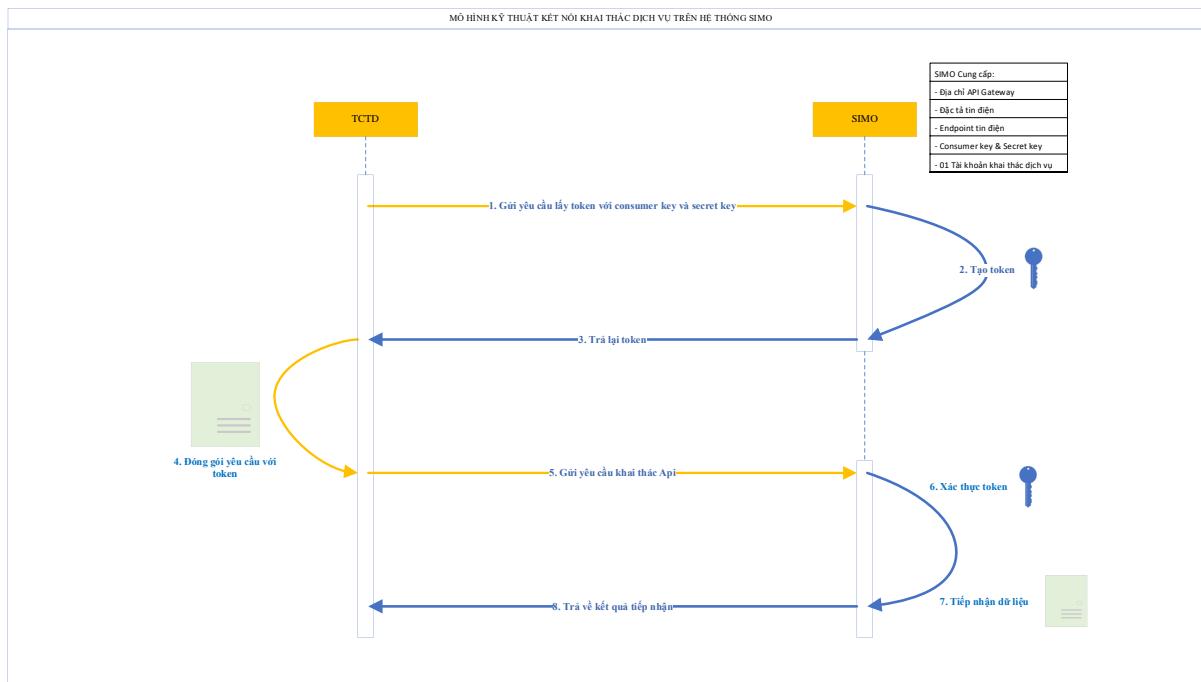
Đề nghị cấp username, password, consumer key và consumer-secret tham gia hệ thống SIMO qua kênh tin điện tại công văn đăng ký kết nối hệ thống SIMO (Mẫu 01) gửi Cục CNTT (trong công văn đề nghị ghi rõ thông tin email đầu mối, Cục CNTT sẽ phản hồi thông tin kết nối qua email đơn vị cung cấp).

<sup>2</sup> 64 Nguyễn Chí Thanh, Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội. Điện thoại: 024.37731386

<sup>3</sup> 08 Võ Văn Kiệt, Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh. Điện thoại: 028.38223445



## MÔ HÌNH KỸ THUẬT KẾT NỐI KHAI THÁC DỊCH VỤ TRÊN HỆ THỐNG SIMO



- Trình tự kết nối:

- **Bước 1:** yêu cầu access token. Các tổ chức tín dụng, trung gian thanh toán (TCTD, TGTT) sử dụng cặp khóa (consumer\_key và secret\_key) do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cung cấp, gửi yêu cầu lấy token để truy cập các dịch vụ do hệ thống SIMO cung cấp.
- **Bước 2:** xác thực và tạo token. Hệ thống tiến hành xác thực các cặp khóa và khởi tạo token cho phép các TCTD, TGTT truy cập các dịch vụ được cấp phép.
- **Bước 3:** trả về token. Sau khi khởi tạo token, hệ thống tiến hành đóng gói và trả token cho TCTD, TGTT. Token này chỉ có giá trị sử dụng trong một phiên làm việc với một khoảng thời gian timeout nhất định do hệ thống quy định.
- **Bước 4:** đóng gói yêu cầu khai thác dịch vụ với token. Yêu cầu khai thác dịch vụ được gửi tới hệ thống cần có 2 thành phần: (1) Thông tin đầu vào như: Mã số khách hàng (cif), tên tài khoản, số tài khoản, v.v...; (2) Thông tin token.
- **Bước 5:** gửi yêu cầu khai thác dịch vụ. Các TCTD, TGTT gửi yêu cầu trực tiếp khai thác qua các dịch vụ được hệ thống quy định.



- **Bước 6:** xác thực token và kiểm tra quyền truy cập. Hệ thống tiến hành kiểm tra tính hợp lệ của token với dịch vụ được yêu cầu. Nếu TCTD, TGTT chưa đăng ký sử dụng dịch vụ đang được yêu cầu, hệ thống sẽ chặn quyền truy cập dịch vụ. Ngược lại, nếu TCTD, TGTT đã đăng ký sử dụng dịch vụ, hệ thống tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo.
- **Bước 7:** tiếp nhận dữ liệu. Hệ thống tiến hành thực hiện các công việc cần thiết để tiếp nhận dữ liệu tương ứng với từng dịch vụ được yêu cầu.
- **Bước 8:** trả về dữ liệu. Các TCTD, TGTT sẽ nhận được kết quả phản hồi ngay khi hệ thống tiếp nhận dữ liệu, kết quả xử lý dữ liệu sẽ được thông báo qua công website của SIMO.

## DANH SÁCH DỊCH VỤ TÍCH HỢP

TT	Dịch vụ	Mã dịch vụ	Mục đích sử dụng
1	Dịch vụ thu thập danh sách TKTT của cá nhân định kỳ	simo_001	Dịch vụ này cho phép TCCUDVTT gửi báo cáo các TKTT của cá nhân mới trong tháng tại đơn vị mình
2	Dịch vụ thu thập danh sách TKTT của cá nhân nghi ngờ gian lận	simo_002	Dịch vụ này cho phép TCCUDVTT gửi báo cáo các TKTT của cá nhân có dấu hiệu nghi ngờ gian lận theo Bộ tiêu chí đã được xây dựng sẵn
3	Dịch vụ cập nhật lại thông tin TKTT của cá nhân nghi ngờ gian lận	simo_003	Dịch vụ này cho phép các TCCUDVTT thực hiện rà soát, đánh giá thông tin tăng cường (KYC) lại cho các TKTT của cá nhân trong danh sách nghi ngờ gian lận theo Bộ tiêu chí
4	Dịch vụ cập nhật thông tin khách hàng mở TKTT của cá nhân	simo_004	Dịch vụ này cho phép TCCUDVTT rà soát lại các khách hàng có phát sinh việc cập nhật thông tin trong tháng và gửi báo cập nhật thông tin khách hàng mở TKTT của cá nhân
5	Dịch vụ thu thập dữ liệu VĐT - KHCN định kỳ	simo_005	Dịch vụ này cho phép TGTT gửi báo cáo các VĐT của Khách hàng cá nhân mới tại đơn vị mình
6	Dịch vụ thu thập dữ liệu VĐT - KHTC định kỳ	simo_006	Dịch vụ này cho phép TGTT gửi báo cáo các VĐT của Khách hàng tổ chức mới tại đơn vị mình
7	Dịch vụ thu thập danh sách VĐT nghi ngờ gian lận	simo_007	Dịch vụ này cho phép TGTT gửi báo cáo các VĐT có dấu hiệu nghi ngờ gian lận theo Bộ tiêu chí đã được xây dựng sẵn
8	Dịch vụ cập nhật lại VĐT nghi ngờ gian lận	simo_008	Dịch vụ này cho phép các TGTT thực hiện rà soát, đánh giá thông tin tăng cường (KYC) lại cho các VĐT trong danh sách nghi ngờ gian lận theo Bộ tiêu chí
9	Dịch vụ cập nhật dữ liệu VĐT - KHCN	simo_009	Dịch vụ này cho phép TGTT gửi báo cáo các VĐT của Khách hàng cá nhân cập nhật tại đơn vị mình
10	Dịch vụ cập nhật dữ liệu VĐT – KHTC	simo_010	Dịch vụ này cho phép TGTT gửi báo cáo các VĐT của Khách hàng tổ chức cập nhật tại đơn vị mình
11	Dịch vụ thu thập dữ liệu ban đầu các TKTT của các NHTM	simo_011	Dịch vụ này cho phép thu thập dữ liệu ban đầu các TKTT của các NHTM

<b>TT</b>	<b>Dịch vụ</b>	<b>Mã dịch vụ</b>	<b>Mục đích sử dụng</b>
12	Dịch vụ thu thập dữ liệu ban đầu các TKTT nghi ngờ gian lận <sup>4</sup>	simo_012	Dịch vụ này cho phép thu thập dữ liệu ban đầu các TKTT nghi ngờ gian lận
13	Dịch vụ thu thập dữ liệu ban đầu các VĐT KHCN	simo_013	Dịch vụ này cho phép thu thập dữ liệu ban đầu các VĐT KHCN
14	Dịch vụ thu thập dữ liệu ban đầu các VĐT KHTC	simo_014	Dịch vụ này cho phép thu thập dữ liệu ban đầu các VĐT KHTC
15	Dịch vụ thu thập dữ liệu ban đầu các VĐT nghi ngờ gian lận <sup>5</sup>	simo_015	Dịch vụ này cho phép thu thập dữ liệu ban đầu các VĐT nghi ngờ gian lận
16	Dịch vụ thu thập thông tin số dư TKĐBTT cho dịch vụ Ví điện tử tại các TGTT	simo_016	Dịch vụ này cho phép thu thập thông tin số dư TKĐBTT cho dịch vụ Ví điện tử tại các TGTT
17	Dịch vụ thu thập thông tin số dư TKĐBTT cho dịch vụ Ví điện tử tại các ngân hàng hợp tác	simo_017	Dịch vụ này cho phép thu thập thông tin số dư TKĐBTT cho dịch vụ Ví điện tử tại các ngân hàng hợp tác
18	Dịch vụ thu thập danh sách TKTT của tổ chức định kỳ		Dịch vụ này cho phép TCCUDVTT gửi báo cáo các TKTT của tổ chức mở mới trong tháng tại đơn vị mình
19	Dịch vụ thu thập danh sách TKTT của tổ chức nghi ngờ gian lận		Dịch vụ này cho phép TCCUDVTT gửi báo cáo các TKTT của tổ chức có dấu hiệu nghi ngờ gian lận theo Bộ tiêu chí đã được xây dựng sẵn
20	Dịch vụ cập nhật lại thông tin TKTT của tổ chức nghi ngờ gian lận		Dịch vụ này cho phép các TCCUDVTT thực hiện rà soát, đánh giá thông tin tăng cường (KYC) lại cho các TKTT của tổ chức trong danh sách nghi ngờ gian lận theo Bộ tiêu chí
21	Dịch vụ cập nhật thông tin khách hàng mở TKTT của tổ chức		Dịch vụ này cho phép TCCUDVTT rà soát lại các khách hàng có phát sinh việc cập nhật thông tin trong tháng và gửi báo cập nhật thông tin khách hàng mở TKTT của tổ chức
22	Dịch vụ thu thập danh sách ĐVCNTT định kỳ		Dịch vụ này cho phép TCCUDVTT gửi báo cáo các ĐVCNTT mở mới trong tháng tại đơn vị mình
23	Dịch vụ thu thập danh sách ĐVCNTT nghi ngờ gian lận		Dịch vụ này cho phép TCCUDVTT gửi báo cáo các ĐVCNTT có dấu hiệu nghi ngờ gian lận theo Bộ tiêu chí đã được xây dựng sẵn

<sup>4</sup> Hiện tại API này chưa sử dụng, đơn vị báo cáo qua kênh Portal

<sup>5</sup> Hiện tại API này chưa sử dụng, đơn vị báo cáo qua kênh Portal

<b>TT</b>	<b>Dịch vụ</b>	<b>Mã dịch vụ</b>	<b>Mục đích sử dụng</b>
24	Dịch vụ cập nhật lại thông tin ĐVCNTT nghi ngờ gian lận		Dịch vụ này cho phép các TCCUDVTT thực hiện rà soát, đánh giá thông tin tăng cường (KYC) lại cho các ĐVCNTT trong danh sách nghi ngờ gian lận theo Bộ tiêu chí
25	Dịch vụ cập nhật thông tin khách hàng mở ĐVCNTT		Dịch vụ này cho phép TCCUDVTT rà soát lại các khách hàng có phát sinh việc cập nhật thông tin trong tháng và gửi báo cập nhật thông tin khách hàng mở ĐVCNTT
26	Dịch vụ thu thập danh sách Thẻ ngân hàng định kỳ		Dịch vụ này cho phép TCCUDVTT gửi báo cáo các Thẻ ngân hàng mở mới trong tháng tại đơn vị mình
27	Dịch vụ thu thập danh sách Thẻ ngân hàng nghi ngờ gian lận		Dịch vụ này cho phép TCCUDVTT gửi báo cáo các Thẻ ngân hàng có dấu hiệu nghi ngờ gian lận theo Bộ tiêu chí đã được xây dựng sẵn
28	Dịch vụ cập nhật lại thông tin Thẻ ngân hàng nghi ngờ gian lận		Dịch vụ này cho phép các TCCUDVTT thực hiện rà soát, đánh giá thông tin tăng cường (KYC) lại cho các Thẻ ngân hàng trong danh sách nghi ngờ gian lận theo Bộ tiêu chí
	Dịch vụ cập nhật thông tin khách hàng mở Thẻ ngân hàng		Dịch vụ này cho phép TCCUDVTT rà soát lại các khách hàng có phát sinh việc cập nhật thông tin trong tháng và gửi báo cập nhật thông tin khách hàng mở Thẻ ngân hàng

## ĐẶC TẢ CHI TIẾT CÁC DỊCH VỤ TÍCH HỢP

### 1.4 Lấy thông tin Token

- URL: <https://mgsimo.sbv.gov.vn/token>
- Method: POST
- Content-Type: application/x-www-form-urlencoded
- Header: Authorization: Basic Base64(consumer-key:consumer-secret)(cặp khóa consumer-key và consumer-secret do NHNN cung cấp cho mỗi TCTD, TGTT)
- Đặc tả đầu vào:

STT	Key	Giá trị	Ghi chú
1	grant_type	password	
2	username	<Tài khoản khai thác dịch vụ>	NHNN cung cấp
3	password	<Mật khẩu khai thác dịch vụ>	NHNN cung cấp

- Đặc tả đầu ra API:

STT	Tên thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ghi chú
1	access_token	string	Chuỗi token được cấp tương ứng với một phiên làm việc của một TCTD, TGTT
2	scope	string	
3	token_type	string	Kiểu token <Bearer>
4	expires_in	number	Thời gian token có hiệu lực (giây)

## 1.5 Refresh token

- URL: <https://mgsimo.sbv.gov.vn/token>
- Method: POST
- Content-Type: application/x-www-form-urlencoded
- Header: Authorization: Basic Base64(consumer-key:consumer-secret)(cấp khóa consumer-key và consumer-secret do NHNN cung cấp cho mỗi TCTD, TGTT)
- Đặc tả đầu vào:

STT	Key	Giá trị	Ghi chú
1	grant_type	refresh_token	
2	refresh_token	Token được cấp từ api Lấy thông tin token	

- Đặc tả đầu ra API:

STT	Tên thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ghi chú
1	access_token	string	Chuỗi token được cấp tương ứng với một phiên làm việc của một TCTD, TGTT
2	scope	string	
3	token_type	string	Kiểu token <Bearer>
4	expires_in	number	Thời gian token có hiệu lực (giây)

## 1.6 Dịch vụ thu thập danh sách TKTT của cá nhân định kỳ

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	Cif	String (36 ký tự)	x	Điền số CIF của khách hàng, tối đa 36 ký tự
2	SoID	String (15 ký tự)	x	Ưu tiên điền số CCCD. Tối đa 15 ký tự. Là ký tự từ 0 đến 9.
3	LoaiID	Integer	x	Loại ID, điền một trong số các giá trị sau: 1. Thẻ căn cước công dân; 2. Thẻ căn cước; 3. Chứng minh nhân dân; 4. Hộ chiếu; 5. Giấy chứng nhận căn cước; 6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7. Giấy tờ khác; 99. Chưa thu thập được.
4	TenKhachHang	String (150 ký tự)	x	Điền tên của khách hàng theo giấy tờ của loại ID. Tối đa 150 ký tự
5	NgaySinh	String (10 ký tự)	x	Điền ngày sinh của khách hàng theo định dạng dd/mm/yyyy.
6	GioiTinh	Integer	x	Giới tính khách hàng. Điền 1 trong 3 giá trị sau: 0-Nữ; 1-Nam; 2-Khác.
7	MaSoThue	String (từ 8 đến 15 ký tự)		Nhập Mã số thuế là kiểu ký tự với độ dài từ 8 - 15.

<b>TT</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Kiểu dữ liệu</b>	<b>Bắt buộc</b>	<b>Mô tả</b>
8	SoDienThoaiDangKyDichVu	String (120 ký tự)	x	Số điện thoại đăng ký dịch vụ Mobile banking. Tối đa 120 ký tự từ số 0 đến số 9 và cho phép nhập 1 trong các ký tự ,;  để làm phân cách trường hợp nhiều số điện thoại.
9	DiaChi	String (300 ký tự)		Điền địa chỉ của khách hàng, tối đa 300 ký tự
10	DiaChiKiemSoatTruyCap	String (60 ký tự)	x	Điền địa chỉ MAC, tối đa 60 ký tự
11	MaSoNhanDangThietBiDiDong	String (36 ký tự)		Điền số IMEI, tối đa 36 ký tự
12	SoTaiKhoan	String (36 ký tự)	x	Điền số tài khoản viết liền, tối đa 36 ký tự. Là kí tự từ 0 đến 9.
13	LoaiTaiKhoan	Integer		Loại tài khoản. Điền một trong số các giá trị sau: 1- VNĐ; 2- Ngoại tệ; 99- Chưa thu thập được.
14	TrangThaiHoatDongTaiKhoan	Integer	x	Trạng thái hoạt động của tài khoản. Điền một trong số các giá trị sau: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử; 3. Tạm khóa; s 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng; 99. Chưa thu thập được.
15	NgayMoTaiKhoan	String (10 ký tự)	x	Ngày mở tài khoản (có định dạng dd/MM/YYYY)

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
16	PhuongThucMoTaiKhoan	Integer		Phương thức mở TKTT. Điện một trong các giá trị sau: 1- Mở tại quầy; 2- Mở qua eKYC; 99- Chưa thu thập được.
17	NgayXacThucTaiQuay	String (10 ký tự)		Ngày khách hàng xác thực trực tiếp tại quầy (có định dạng dd/MM/YYYY)
18	QuocTich	String (36 ký tự)	x	Điền quốc tịch khách hàng, tối đa 36 kí tự

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại
3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
URL	<a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tktt/1.0/upload-bao-cao-danh-sach-tktt-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tktt/1.0/upload-bao-cao-danh-sach-tktt-api</a>
Request header	
maYeuCau	Được sinh tự động từ phía các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin điện
kyBaoCao	Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy)
Method	POST
Content-Type	application/json
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
Request Body	
Body	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 tktt trong 1 lần gửi báo cáo)
Response Body	

**Body**

Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên

## 1.7 Dịch vụ thu thập danh sách TKTT của cá nhân nghi ngờ gian lận

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	Cif	String (36 ký tự)	x	Điền số CIF của khách hàng, tối đa 36 ký tự
2	SoTaiKhoan	String (36 ký tự)	x	Điền số tài khoản viết liền, tối đa 36 ký tự. Là kí tự từ 0 đến 9.
3	TenKhachHang	String (150 ký tự)	x	Điền tên của khách hàng theo giấy tờ của loại ID. Tối đa 150 ký tự
4	TrangThaiHoatDong TaiKhoan	Integer	x	Trạng thái hoạt động của tài khoản. Điền một trong số các giá trị sau: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử; 3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng; 99. Chưa thu thập được.
5	NghiNgo	Integer	x	Nội dung nghi ngờ được đánh số theo quy định của VTT. Điền một trong các giá trị sau: 0 - Không nghi ngờ gian lận 1 - Thông tin trong hồ sơ mở TKTT của chủ tài khoản không trùng khớp với thông tin của cá nhân đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. 2 - TKTT nằm trong danh sách được quảng cáo, mua, bán, trao đổi trên các website,

<b>TT</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Kiểu dữ liệu</b>	<b>Bắt buộc</b>	<b>Mô tả</b>
				<p>hội nhóm trên không gian mạng.</p> <p>3 - TKTT nhận tiền từ nhiều TKTT khác nhau và được chuyển đi hoặc rút ra ngay trong thời gian rất ngắn (không để lại số dư hoặc để lại rất ít).</p> <p>4 - TKTT có hơn 03 giao dịch nhận tiền từ các TKTT nằm trong danh sách có dấu hiệu nghi ngờ liên quan đến lừa đảo, gian lận, giả mạo, ...</p> <p>5 - Khách hàng thuộc danh sách cảnh báo của NHNN, Cơ quan Công an hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác.</p> <p>6 - TKTT phát sinh giao dịch bất thường (Ví dụ: Giá trị, số lượng giao dịch lớn, bất thường không phù hợp với nghề nghiệp, độ tuổi, địa chỉ cư trú, lịch sử giao dịch và hành vi, ... của chủ tài khoản; phát sinh các giao dịch với địa điểm, thời gian, tần suất bất thường...)</p> <p>7 - Một thông tin định danh duy nhất của thiết bị (địa chỉ MAC) được sử dụng để thực hiện giao dịch cho nhiều hơn 01 TKTT.</p> <p>8 - Dấu hiệu khác: ghi chú rõ nội dung cụ thể (footnote) đối với thông tin này.</p>
6	GhiChu	String (500 ký tự)		Điền thông tin ghi chú nếu có, tối đa 500 ký tự

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại
3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
<b>URL</b>	<a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tktt/1.0/upload-bao-cao-tktt-nngl-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tktt/1.0/upload-bao-cao-tktt-nngl-api</a>
<b>Request header</b>	
maYeuCau	Được sinh tự động từ các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin điện
kyBaoCao	Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy)
<b>Method</b>	POST
<b>Content-Type</b>	application/json
<b>Authorization</b>	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
<b>Request Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 tktt nngl trong 1 lần gửi báo cáo)
<b>Response Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên

## 1.8 Dịch vụ cập nhật lại thông tin TKTT của cá nhân nghi ngờ gian lận

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	Cif	String (36 ký tự)	x	Điền số CIF của khách hàng, tối đa 36 ký tự
2	TenKhachHang	String (150 ký tự)	x	Điền tên của khách hàng theo giấy tờ của loại ID. Tối đa 150 ký tự
3	SoTaiKhoan	String (36 ký tự)	x	Điền số tài khoản viết liền, tối đa 36 ký tự. Là kí tự từ 0 đến 9.
4	TrangThaiHoatDongTaiKhoan	Integer	x	Trạng thái hoạt động của tài khoản. Điền một trong số các giá trị sau: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử; 3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng; 99. Chưa thu thập được.
5	NghiNgo	Integer	x	Nội dung nghi ngờ được đánh số theo quy định của VTT. Điền một trong các giá trị sau: 0 - Không nghi ngờ gian lận 1 - Thông tin trong hồ sơ mở TKTT của chủ tài khoản không trùng khớp với thông tin của cá nhân đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. 2 - TKTT nằm trong danh sách được quảng cáo, mua, bán, trao đổi trên các website, hội nhóm trên không gian mạng.

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
				<p>3 - TKTT nhận tiền từ nhiều TKTT khác nhau và được chuyển đi hoặc rút ra ngay trong thời gian rất ngắn (không để lại số dư hoặc để lại rất ít).</p> <p>4 - TKTT có hơn 03 giao dịch nhận tiền từ các TKTT nằm trong danh sách có dấu hiệu nghi ngờ liên quan đến lừa đảo, gian lận, giả mạo, ...</p> <p>5 - Khách hàng thuộc danh sách cảnh báo của NHNN, Cơ quan Công an hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác.</p> <p>6 - TKTT phát sinh giao dịch bất thường (Ví dụ: Giá trị, số lượng giao dịch lớn, bất thường không phù hợp với nghề nghiệp, độ tuổi, địa chỉ cư trú, lịch sử giao dịch và hành vi, ... của chủ tài khoản; phát sinh các giao dịch với địa điểm, thời gian, tần suất bất thường...)</p> <p>7 - Một thông tin định danh duy nhất của thiết bị (địa chỉ MAC) được sử dụng để thực hiện giao dịch cho nhiều hơn 01 TKTT.</p> <p>8 - Dấu hiệu khác: ghi chú rõ nội dung cụ thể (footnote) đối với thông tin này.</p>
6	GhiChu	String (500 ký tự)		Điền thông tin ghi chú nếu có.
7	LyDoCapNhat	String (500 ký tự)	x	Điền thông tin Lý do cập nhật lại danh sách TKTT nghi ngờ gian lận, tối đa 500 ký tự

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại
3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại

- **Chi tiết dịch vụ:**

<b>Địa chỉ kết nối</b>	
<b>URL</b>	<a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tktt/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-tktt-nngl-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tktt/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-tktt-nngl-api</a>
<b>Request header</b>	
maYeuCau	Được sinh tự động từ phía các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin điện
kyBaoCao	Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy)
<b>Method</b>	POST
<b>Content-Type</b>	application/json
<b>Authorization</b>	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
<b>Request Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 tktt nngl trong 1 lần gửi báo cáo)
<b>Response Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên

### 1.9 Dịch vụ cập nhật thông tin khách hàng mở TKTT của cá nhân

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	Cif	String (36 ký tự)	x	Điền số CIF của khách hàng, tối đa 36 ký tự
2	SoID	String (15 ký tự)	x	Ưu tiên điền số CCCD. Tối đa 15 ký tự. Là ký tự từ 0 đến 9.
3	LoaiID	Integer	x	Loại ID, điền một trong số các giá trị sau: 1. Thẻ căn cước công dân; 2. Thẻ căn cước; 3. Chứng minh nhân dân; 4. Hộ chiếu; 5. Giấy chứng nhận căn cước; 6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7. Giấy tờ khác; 99. Chưa thu thập được.
4	TenKhachHang	String (150 ký tự)	x	Điền tên của khách hàng theo giấy tờ của loại ID. Tối đa 150 ký tự
5	NgaySinh	String (10 ký tự)	x	Ngày sinh (có định dạng dd/MM/YYYY)
6	GioiTinh	Integer	x	Giới tính khách hàng. Điền một trong 3 giá trị sau: 0-Nữ; 1-Nam; 2-Khác.
7	MaSoThue	String (từ 8 đến 15 ký tự)		Nhập Mã số thuế là kiểu ký tự với độ dài từ 8 - 15.
8	SoDienThoaiDangKyDichVu	String (120 ký tự)	x	Số điện thoại đăng ký dịch vụ Mobile banking.

<b>TT</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Kiểu dữ liệu</b>	<b>Bắt buộc</b>	<b>Mô tả</b>
				Tối đa 120 ký tự từ số 0 đến số 9 và cho phép nhập 1 trong các ký tự ,;  để làm phân cách trường hợp nhiều số điện thoại.
9	DiaChi	String (300 ký tự)		Điền địa chỉ của khách hàng, tối đa 300 ký tự
10	DiaChiKiemSoatTruyCap	String (60 ký tự)	x	Điền địa chỉ MAC, tối đa 60 ký tự
11	MaSoNhanDangThietBiDiDong	String (36 ký tự)		Điền số IMEI, tối đa 36 ký tự
12	SoTaiKhoan	String (36 ký tự)	x	Điền số tài khoản viết liền, tối đa 36 ký tự. Là kí tự từ 0 đến 9.
13	LoaiTaiKhoan	Integer		Loại tài khoản. Điene một trong số các giá trị sau: 1- VNĐ; 2- Ngoại tệ; 99- Chưa thu thập được.
14	TrangThaiHoatDongTaiKhoan	Integer	x	Trạng thái hoạt động của tài khoản. Điene một trong số các giá trị sau: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử; 3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng, 6. Xóa; 99. Chưa thu thập được.
15	NgayMoTaiKhoan	String (10 ký tự)	x	Ngày mở tài khoản(có định dạng dd/MM/YYYY)
16	PhuongThucMoTaiKhoan	Integer		Phương thức mở TKTT. Điene một trong các giá trị sau:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
				1- Mở tại quầy; 2- Mở qua eKYC; 99. Chưa thu thập được.
17	NgayXacThucTaiQuay	String (10 ký tự)		Ngày khách hàng xác thực trực tiếp tại quầy (có định dạng dd/MM/YYYY)
18	QuocTich	String (36 ký tự)	x	Điền quốc tịch khách hàng, tối đa 36 kí tự
19	GhiChu	String (500 ký tự)		Điền nội dung ghi chú nếu có, tối đa 500 kí tự

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại
3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
URL	<a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tktt/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-danh-sach-tktt-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tktt/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-danh-sach-tktt-api</a>
Request header	
maYeuCau	Được sinh tự động từ phía các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin điện
kyBaoCao	Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy)
Method	POST
Content-Type	application/json
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
Request Body	
Body	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 tktt trong 1 lần gửi báo cáo)

<b>Response Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên

## 1.10 Dịch vụ thu thập dữ liệu VĐT KHCN định kỳ

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	Cif	String (36 ký tự)	x	Điền số CIF của khách hàng, tối đa 36 ký tự. Trường hợp tổ chức TGTT không quản lý khách hàng theo số CIF thì điền giá trị ID VĐT
2	SoID	String (15 ký tự)	x	Ưu tiên điền số CCCD. Tối đa 15 kí tự. Là kí tự số từ 0 đến 9.
3	LoaiID	Integer	x	Loại ID, điền một trong số các giá trị sau: 1. Thẻ căn cước công dân; 2. Thẻ căn cước; 3. Chứng minh nhân dân; 4. Hộ chiếu; 5. Giấy chứng nhận căn cước; 6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7. Giấy tờ khác; 99. Chưa thu thập được.
4	TenKhachHang	String (150 ký tự)	x	Điền tên của khách hàng theo giấy tờ của loại ID. Tối đa 150 ký tự
5	NgaySinh	String (10 ký tự)	x	Điền ngày sinh của khách hàng theo định dạng dd/mm/yyyy.
6	GioiTinh	Integer	x	Giới tính khách hàng. Điền 1 trong 3 giá trị sau: 0-Nữ; 1-Nam; 2-Khác.

<b>TT</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Kiểu dữ liệu</b>	<b>Bắt buộc</b>	<b>Mô tả</b>
7	MaSoThue	String (từ 8 đến 15 ký tự)		Nhập Mã số thuê là kiểu ký tự với độ dài từ 8 - 15.
8	SoDienThoaiDangKyDichVu	String (120 ký tự)	x	Số điện thoại đăng ký mở và sử dụng VDT. Tối đa 120 ký tự từ số 0 đến số 9 và cho phép nhập 1 trong các ký tự ,;  để làm phân cách trường hợp nhiều số điện thoại.
9	DiaChi	String (300 ký tự)		Điền địa chỉ của khách hàng, tối đa 300 ký tự
10	DiaChiKiemSoatTruyCap	String (60 ký tự)	x	Điền địa chỉ MAC, tối đa 60 ký tự.
11	MaSoNhanDangThietBiDiDong	String (36 ký tự)		Điền số IMEI, tối đa 36 ký tự
12	IdVdt	String (36 ký tự)	x	Điền số ID VDT viết liền, tối đa 36 ký tự (tùy theo quy ước của từng tổ chức TGTT)
13	LoaiVdt	Integer	x	Điền Loại VDT là một trong số các giá trị sau: 1- VDT khách hàng cá nhân (không phải là ĐVCNTT); 2- VDT khách hàng cá nhân là ĐVCNTT; 99- Chưa thu thập được.
14	TrangThaiHoatDongVdt	Integer	x	Trạng thái hoạt động của VDT. Điền một trong số các giá trị sau: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ; 3. Tạm khóa; 4. Đã đóng; 99. Chưa thu thập được.

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
15	NgayMoVdt	String (10 ký tự)	x	Ngày mở ví điện tử (có định dạng dd/MM/YYYY)
16	NgayKyc	String (10 ký tự)		Ngày KYC (có định dạng dd/MM/YYYY)
17	NgayLienKetVoiTktt	String (10 ký tự)		Ngày liên kết với TKTT (có định dạng dd/MM/YYYY)
18	NgayTamKhoaHoacPhongToaVdt	String (10 ký tự)		Ngày tạm khóa hoặc phong tỏa Ví điện tử (có định dạng dd/MM/YYYY)
19	NgayDongVdt	String (10 ký tự)		Ngày đóng ví điện tử (có định dạng dd/MM/YYYY)
20	QuocTich	String (36 ký tự)	x	Điền quốc tịch của khách hàng, tối đa 36 kí tự.
21	SoTaiKhoanDongVNTheGhiNoVDT	String (150 ký tự)	x	Điền số tài khoản/thẻ ngân hàng liên kết với VDT, tối đa 150 kí tự

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại
3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
URL	<a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/vdt/1.0/upload-bao-cao-danh-sach-vdt-khcn-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/vdt/1.0/upload-bao-cao-danh-sach-vdt-khcn-api</a>
Request header	
maYeuCau	Được sinh tự động từ phía các TGTT, dùng để định danh các lần gửi tin điện
kyBaoCao	Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy)

<b>Method</b>	POST
<b>Content-Type</b>	application/json
<b>Authorization</b>	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
<b>Request Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 ví điện tử trong 1 lần gửi báo cáo)
<b>Response Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên

### 1.11 Dịch vụ thu thập dữ liệu VĐT KHTC định kỳ

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	Cif	String (36 ký tự)	x	Điền số CIF của khách hàng, tối đa 36 ký tự. Trường hợp tổ chức TGTT không quản lý khách hàng theo số CIF thì điền giá trị ID VĐT
2	SoID	String (15 ký tự)	x	Là số ID của khách hàng. Tối đa 15 ký tự. Là ký tự số từ 0 đến 9.
3	LoaiID	Integer	x	Loại ID, điền một trong số các giá trị sau: 1. Thẻ căn cước công dân; 2. Thẻ căn cước; 3. Chứng minh nhân dân; 4. Hộ chiếu; 5. Giấy chứng nhận căn cước; 6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7. Giấy tờ khác; 99. Chưa thu thập được.
4	TenKhachHang	String (150 ký tự)	x	Điền tên của khách hàng. Tối đa 150 ký tự
5	TenVietTat	String (75 ký tự)	x	Điền tên viết tắt của khách hàng. Tối đa 75 ký tự

<b>TT</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Kiểu dữ liệu</b>	<b>Bắt buộc</b>	<b>Mô tả</b>
6	MaSoThue	String (từ 8 đến 15 ký tự)	x	Mã số thuê của khách hàng. Nhập ký tự với độ dài từ 8 - 15.
7	SoDienThoaiDangKyDichVu	String (120 ký tự)	x	Số điện thoại đăng ký mở và sử dụng VĐT. Tối đa 120 ký tự từ số 0 đến số 9 và cho phép nhập 1 trong các ký tự „;  để làm phân cách trường hợp nhiều số điện thoại.
8	DiaChi	String (300 ký tự)		Điền địa chỉ của khách hàng, tối đa 300 ký tự
9	DiaChiKiemSoatTruyCap	String (60ký tự)	x	Điền địa chỉ Mac, tối đa 60 ký tự
10	MaSoNhanDangThietBiDiDong	String (36 ký tự)		Điền số IMEI, tối đa 36 ký tự
11	IdVdt	String (36 ký tự)	x	Điền số ID VĐT viết liền, tối đa 36 ký tự. Là kí tự từ 0 đến 9. (tùy theo quy ước của từng tổ chức TGTT)
12	LoaiVdt	Integer	x	Loại VĐT. Điene một trong số các giá trị sau: 3 - VĐT mở cho khách hàng là tổ chức (không phải là ĐVCNTT); 4 - VĐT mở cho khách hàng là tổ chức là ĐVCNTT; 99- Chưa thu thập được.
13	TrangThaiHoatDongVdt	Integer	x	Trạng thái hoạt động của ví điện tử. Điene một trong số các giá trị sau: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ; 3. Tạm khóa;

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
				4. Đã đóng; 99. Chưa thu thập được.
14	NgayMoVdt	String (10 ký tự)	x	Ngày mở ví điện tử (có định dạng dd/MM/YYYY)
15	NgayKyc	String (10 ký tự)		Ngày KYC (có định dạng dd/MM/YYYY)
16	NgayLienKetVoiTktt	String (10 ký tự)		Ngày liên kết với TKTT (có định dạng dd/MM/YYYY)
17	NgayTamKhoaHoacPhongToaVdt	String (10 ký tự)		Ngày tạm khóa hoặc phong tỏa Ví điện tử (có định dạng dd/MM/YYYY)
18	NgayDongVdt	String (10 ký tự)		Ngày đóng ví điện tử (có định dạng dd/MM/YYYY)
19	SoTaiKhoanDongVNTheGhiNoVDT	String (150 ký tự)	x	Điền các số tài khoản/thẻ ngân hàng liên kết với VDT, tối đa 150 ký tự

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại
3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
URL	<a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/vdt/1.0/upload-bao-cao-danh-sach-vdt-khtc-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/vdt/1.0/upload-bao-cao-danh-sach-vdt-khtc-api</a>
Request header	
maYeuCau	Được sinh tự động từ phía các TGTT, dùng để định danh các lần gửi tin điện
kyBaoCao	Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy)

<b>Method</b>	POST
<b>Content-Type</b>	application/json
<b>Authorization</b>	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
<b>Request Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 ví điện tử trong 1 lần gửi báo cáo)
<b>Response Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên

### 1.12 Dịch vụ thu thập danh sách VĐT nghi ngờ gian lận

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	Cif	String (36 ký tự)	x	Điền số CIF của khách hàng, tối đa 36 ký tự. Trường hợp tổ chức TGTT không quản lý khách hàng theo số CIF thì điền giá trị ID VĐT
2	TenKhachHang	String (150 ký tự)	x	Điền tên của khách hàng theo giấy tờ của loại ID. Tối đa 150 ký tự
3	IdVdt	String (36 ký tự)	x	Điền số ID VĐT viết liền, tối đa 36 ký tự. Là kí tự từ 0 đến 9. (tùy theo quy ước của từng tổ chức TGTT)
4	LoaiVdt	Integer	x	Loại VĐT. Điền một trong số các giá trị sau: 1- VĐT khách hàng cá nhân (không phải là ĐVCNTT); 2- VĐT khách hàng cá nhân là ĐVCNTT; 3- VĐT mở cho khách hàng là tổ chức (không phải là ĐVCNTT); 4- VĐT mở cho khách hàng là tổ chức là ĐVCNTT; 99- Chưa thu thập được.
5	TrangThaiHoatDongVdt	Integer	x	Trạng thái hoạt động của ví điện tử. Điền một trong số các giá trị sau: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ; 3. Tạm khóa; 4. Đã đóng;

<b>TT</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Kiểu dữ liệu</b>	<b>Bắt buộc</b>	<b>Mô tả</b>
				99. Chưa thu thập được.
6	NgayMoVdt	String (10 ký tự)	x	Ngày mở ví điện tử (có định dạng dd/MM/YYYY)
7	NgayKyc	String (10 ký tự)		Ngày KYC (có định dạng dd/MM/YYYY)
8	NgayLienKetVoiTktt	String (10 ký tự)		Ngày liên kết với TKTT (có định dạng dd/MM/YYYY)
9	NghiNgo	Integer	x	<p>Nội dung nghi ngờ được đánh số theo quy định của VTT theo danh mục. Điền một trong số các giá trị sau:</p> <p>0 - Không nghi ngờ gian lận</p> <p>1 - Thông tin trong hồ sơ mở Ví điện tử của chủ Ví điện tử không trùng khớp với thông tin của cá nhân đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.</p> <p>2 - Ví điện tử nằm trong danh sách được quảng cáo, mua, bán, trao đổi trên các website, hội nhóm trên không gian mạng.</p> <p>3 - Ví điện tử nhận tiền từ nhiều Ví điện tử, tài khoản đồng Việt Nam, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước định danh khác nhau và được chuyển đi hoặc rút ra ngay trong thời gian rất ngắn (không để lại số dư hoặc để lại rất ít).</p> <p>4 - Ví điện tử có hơn 03 giao dịch nhận tiền từ các Ví điện tử, tài khoản đồng Việt Nam, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước định danh nằm trong danh sách có dấu hiệu nghi ngờ liên quan</p>

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
				<p>đến lừa đảo, gian lận, giả mạo, ...</p> <p>5 - Khách hàng thuộc danh sách cảnh báo của NHNN, Cơ quan Công an hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác.</p> <p>6 - Ví điện tử phát sinh giao dịch bất thường (Ví dụ: Giá trị, số lượng giao dịch lớn, bất thường không phù hợp với nghề nghiệp, độ tuổi, địa chỉ cư trú, lịch sử giao dịch và hành vi, ... của chủ Ví điện tử; phát sinh các giao dịch với địa điểm, thời gian, tần suất bất thường...)</p> <p>7 - Một thông tin định danh duy nhất của thiết bị (địa chỉ MAC) được sử dụng để thực hiện giao dịch cho nhiều hơn 01 Ví điện tử.</p> <p>8 - Dấu hiệu khác: ghi chú rõ nội dung cụ thể (footnote) đối với thông tin này.)</p>
10	GhiChu	String (500 ký tự)		Tối đa 500 ký tự. Điện thông tin ghi chú nếu có

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại
3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại

- Chi tiết dịch vụ:

<b>Địa chỉ kết nối</b>	
<b>URL</b>	<a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/vdt/1.0/upload-bao-cao-vdt-nngl-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/vdt/1.0/upload-bao-cao-vdt-nngl-api</a>
<b>Request header</b>	
maYeuCau	Được sinh tự động từ phía các TGTT, dùng để định danh các lần gửi tin điện
kyBaoCao	Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy)
<b>Method</b>	POST
<b>Content-Type</b>	application/json
<b>Authorization</b>	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
<b>Request Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 ví điện tử nngl trong 1 lần gửi báo cáo)
<b>Response Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên

### 1.13 Dịch vụ cập nhật lại VDT nghi ngờ gian lận

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	Cif	String (36 ký tự)	x	Điền số CIF của khách hàng, tối đa 36 ký tự. Trường hợp tổ chức TGTT không quản lý khách hàng theo số CIF thì điền giá trị ID VDT
2	TenKhachHang	String (150 ký tự)	x	Điền tên của khách hàng theo giấy tờ của loại ID. Tối đa 150 ký tự
3	IdVdt	String (36 ký tự)	x	Điền ID VDT viết liền, tối đa 36 ký tự. Là kí tự từ 0 đến 9. (tùy theo quy ước của từng tổ chức TGTT)
4	LoaiVdt	Integer	X	Loại VDT. Điền một trong số các giá trị sau: 1- VDT khách hàng cá nhân (không phải là ĐVCNTT); 2- VDT khách hàng cá nhân là ĐVCNTT; 3- VDT mở cho khách hàng là tổ chức (không phải là ĐVCNTT); 4- VDT mở cho khách hàng là tổ chức là ĐVCNTT; 99- Chưa thu thập được.
5	TrangThaiHoatDongVdt	Integer	x	Trạng thái hoạt động của ví điện tử. Điền một trong số các giá trị sau: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ; 3. Tạm khóa; 4. Đã đóng;

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
				99. Chưa thu thập được.
6	NgayMoVdt	String (10 ký tự)	x	Ngày mở ví điện tử (có định dạng dd/MM/YYYY)
7	NgayKyc	String (10 ký tự)		Ngày KYC (có định dạng dd/MM/YYYY)
8	NgayLienKetVoiTktt	String (10 ký tự)		Ngày liên kết với TKTT (có định dạng dd/MM/YYYY)
9	NghiNgo	Integer	x	Các nội dung nghi ngờ được đánh số theo quy định của VTT theo danh mục. Điện một trong số các giá trị sau: 0 - Không nghi ngờ gian lận 1 - Thông tin trong hồ sơ mở Ví điện tử của chủ Ví điện tử không trùng khớp với thông tin của cá nhân đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. 2 - Ví điện tử nằm trong danh sách được quảng cáo, mua, bán, trao đổi trên các website, hội nhóm trên không gian mạng. 3 - Ví điện tử nhận tiền từ nhiều Ví điện tử, tài khoản đồng Việt Nam, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước định danh khác nhau và được chuyển đi hoặc rút ra ngay trong thời gian rất ngắn (không để lại số dư hoặc để lại rất ít). 4 - Ví điện tử có hơn 03 giao dịch nhận tiền từ các Ví điện tử, tài khoản đồng Việt Nam, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước định danh nằm trong danh sách có dấu hiệu nghi ngờ liên quan

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
				<p>đến lừa đảo, gian lận, giả mạo, ...</p> <p>5 - Khách hàng thuộc danh sách cảnh báo của NHNN, Cơ quan Công an hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác.</p> <p>6 - Ví điện tử phát sinh giao dịch bất thường (Ví dụ: Giá trị, số lượng giao dịch lớn, bất thường không phù hợp với nghề nghiệp, độ tuổi, địa chỉ cư trú, lịch sử giao dịch và hành vi, ... của chủ Ví điện tử; phát sinh các giao dịch với địa điểm, thời gian, tần suất bất thường...)</p> <p>7 - Một thông tin định danh duy nhất của thiết bị (địa chỉ MAC) được sử dụng để thực hiện giao dịch cho nhiều hơn 01 Ví điện tử.</p> <p>8 - Dấu hiệu khác: ghi chú rõ nội dung cụ thể (footnote) đối với thông tin này.)</p>
10	GhiChu	String (500 ký tự)		Điền thông tin ghi chú nếu có, tối đa 500 ký tự.
11	LyDoCapNhat	String (500 ký tự)	x	Điền thông tin Lý do cập nhật lại danh sách VDT nghi ngờ gian lận, tối đa 500 ký tự

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường

			hợp thất bại
3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại

- **Chi tiết dịch vụ:**

<b>Địa chỉ kết nối</b>	
<b>URL</b>	<a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/vdt/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-vdt-nngl-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/vdt/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-vdt-nngl-api</a>
<b>Request header</b>	
maYeuCau	Được sinh tự động từ phía các TGTT, dùng để định danh các lần gửi tin điện
kyBaoCao	Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy)
<b>Method</b>	POST
<b>Content-Type</b>	application/json
<b>Authorization</b>	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
<b>Request Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 ví điện tử nngl trong 1 lần gửi báo cáo)
<b>Response Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên

### 1.14 Dịch vụ cập nhật dữ liệu VĐT KHCN

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	Cif	String (36 ký tự)	x	Điền số CIF của khách hàng, tối đa 36 ký tự. Trường hợp tổ chức TGTT không quản lý khách hàng theo số CIF thì điền giá trị ID VĐT
2	SoID	String (15 ký tự)	x	Ưu tiên điền số CCCD. Tối đa 15 ký tự. Là ký tự từ 0 đến 9.
3	LoaiID	Integer	x	Loại ID, điền một trong số các giá trị sau: 1. Thẻ căn cước công dân; 2. Thẻ căn cước; 3. Chứng minh nhân dân; 4. Hộ chiếu; 5. Giấy chứng nhận căn cước; 6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7. Giấy tờ khác; 99. Chưa thu thập được.
4	TenKhachHang	String (150 ký tự)	x	Điền tên của khách hàng theo giấy tờ của loại ID. Tối đa 150 ký tự
5	NgaySinh	String (10 ký tự)	x	Điền ngày sinh của khách hàng theo định dạng dd/mm/yyyy.
6	GioiTinh	Integer	x	Giới tính khách hàng. Điền một trong 3 giá trị sau: 0-Nữ; 1-Nam; 2-Khác.
7	MaSoThue	String (từ 8 đến 15)		Nhập ký tự với độ dài từ 8 -

<b>TT</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Kiểu dữ liệu</b>	<b>Bắt buộc</b>	<b>Mô tả</b>
		ký tự)		15.
8	SoDienThoaiDangKyDic hVu	String (120 ký tự)	x	Số điện thoại đăng ký mở và sử dụng VDT. Tối đa 120 ký tự từ số 0 đến số 9 và cho phép nhập 1 trong các ký tự „;  để làm phân cách trường hợp nhiều số điện thoại.
9	DiaChi	String (300 ký tự)		Điền địa chỉ của khách hàng, tối đa 300 ký tự
10	DiaChiKiemSoatTruyCa p	String (60ký tự)	x	Điền địa chỉ MAC, tối đa 60 ký tự.
11	MaSoNhanDangThietBi DiDong	String (36 ký tự)		Điền số IMEI, tối đa 36 ký tự
12	IdVdt	String (36 ký tự)	x	Điền số ID VDT viết liền, tối đa 36 ký tự. Là kí tự số từ 0 đến 9. (tùy theo quy ước của từng tổ chức TGTT)
13	LoaiVdt	Integer	x	Loại VDT. Điền một trong số các giá trị sau: 1- VDT khách hàng cá nhân (không phải là ĐVCNTT); 2-VDT khách hàng cá nhân là ĐVCNTT; 99- Chưa thu thập được.
14	TrangThaiHoatDongVdt	Integer	x	Trạng thái hoạt động của ví điện tử. Điền một trong số các giá trị sau 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ; 3. Tạm khóa; 4. Đã đóng; 5. Xóa;

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
				99. Chưa thu thập được.
15	NgayMoVdt	String (10 ký tự)	x	Ngày mở ví điện tử (có định dạng dd/MM/YYYY)
16	NgayKyc	String (10 ký tự)		Ngày KYC (có định dạng dd/MM/YYYY)
17	NgayLienKetVoiTktt	String (10 ký tự)		Ngày liên kết với TKTT (có định dạng dd/MM/YYYY)
18	NgayTamKhoaHoacPhongToaVdt	String (10 ký tự)		Ngày tạm khóa hoặc phong tỏa Ví điện tử (có định dạng dd/MM/YYYY)
19	NgayDongVdt	String (10 ký tự)		Ngày đóng ví điện tử (có định dạng dd/MM/YYYY)
20	QuocTich	String (36 ký tự)	x	Điền quốc tịch khách hàng, tối đa 36 kí tự
21	SoTaiKhoanDongVNTheGhiNoVDT	String (150 ký tự)	x	Điền số tài khoản/thẻ ngân hàng liên kết với VDT, tối đa 150 kí tự
22	GhiChu	String (500 ký tự)		Điền thông tin ghi chú nếu có, tối đa 500 kí tự

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại
3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
URL	<a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/vdt/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/vdt/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-</a>

	danh-sach-vdt-khcn-api
<b>Request header</b>	
maYeuCau	Được sinh tự động từ phía các TGTT, dùng để định danh các lần gửi tin điện
kyBaoCao	Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy)
<b>Method</b>	POST
<b>Content-Type</b>	application/json
<b>Authorization</b>	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
<b>Request Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 ví điện tử trong 1 lần gửi báo cáo)
<b>Response Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên

### 1.15 Dịch vụ cập nhật dữ liệu VĐT KHTC

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	Cif	String (36 ký tự)	x	Điền số CIF của khách hàng, tối đa 36 ký tự. Trường hợp tổ chức TGTT không quản lý khách hàng theo số CIF thì điền giá trị ID VĐT
2	SoID	String (15 ký tự)	x	Là số ID của khách hàng. Tối đa 15 ký tự. Là ký tự số từ 0 đến 9.
3	LoaiID	Integer	x	Loại ID, điền một trong số các giá trị sau: 1. Thẻ căn cước công dân; 2. Thẻ căn cước; 3. Chứng minh nhân dân; 4. Hộ chiếu; 5. Giấy chứng nhận căn cước; 6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7. Giấy tờ khác; 99. Chưa thu thập được.
4	TenKhachHang	String (150 ký tự)	x	Điền tên của khách hàng. Tối đa 150 ký tự
5	TenVietTat	String (75 ký tự)	x	Điền tên viết tắt của khách hàng. Tối đa 75 ký tự
6	MaSoThue	String (từ 8 đến 15 ký tự)	x	Nhập Mã số thuế là kiểu ký tự với độ dài từ 8 - 15.
7	SoDienThoaiDangKyDichVu	String (120 ký tự)	x	Số điện thoại đăng ký mở và sử dụng VĐT. Tối đa 120 ký tự từ số 0 đến số 9 và cho phép nhập 1 trong các ký tự ,;  để làm phân cách trường hợp nhiều số điện thoại.

<b>TT</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Kiểu dữ liệu</b>	<b>Bắt buộc</b>	<b>Mô tả</b>
8	DiaChi	String (300 ký tự)		Điền địa chỉ của khách hàng, tối đa 300 ký tự
9	DiaChiKiemSoatTruyCap	String (60 ký tự)	x	Điền địa chỉ MAC, tối đa 60 ký tự
10	MaSoNhanDangThietBiDiDong	String (36 ký tự)		Điền số IMEI, tối đa 36 ký tự
11	IdVdt	String (36 ký tự)	x	Điền số ID VDT viết liền, tối đa 36 ký tự. Lá kí tự từ 0 đến 9. (tùy theo quy ước của từng tổ chức TGTT)
12	LoaiVdt	Integer	x	Loại VDT. Điene một trong số các giá trị sau: 3 - VDT mở cho khách hàng là tổ chức (không phải là ĐVCNTT); 4 - VDT mở cho khách hàng là tổ chức là ĐVCNTT; 99 - Chưa thu thập được.
13	TrangThaiHoatDongVdt	Integer	x	Trạng thái hoạt động của ví điện tử. Điene một trong số các giá trị sau: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ; 3. Tạm khóa; 4. Đã đóng; 5. Xóa; 99. Chưa thu thập được.
14	NgayMoVdt	String (10 ký tự)	x	Ngày mở ví điện tử (có định dạng dd/MM/YYYY)
15	NgayKyc	String (10 ký tự)		Ngày KYC (có định dạng dd/MM/YYYY)
16	NgayLienKetVoiTktt	String (10 ký tự)		Ngày liên kết với TKTT (có

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
				định dạng dd/MM/YYYY)
17	NgayTamKhoaHoacPhongToaVdt	String (10 ký tự)		Ngày tạm khóa hoặc phong tỏa Ví điện tử (có định dạng dd/MM/YYYY)
18	NgayDongVdt	String (10 ký tự)		Ngày đóng ví điện tử (có định dạng dd/MM/YYYY)
19	SoTaiKhoanDongVNTheGhiNoVDT	String (150 ký tự)	x	Điền số tài khoản/thẻ ngân hàng liên kết với VDT, tối đa 150 ký tự
20	GhiChu	String (500 ký tự)		Điền thông tin ghi chú nếu có. Tối đa 500 ký tự

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại
3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
URL	<a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/vdt/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-danh-sach-vdt-khtc-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/vdt/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-danh-sach-vdt-khtc-api</a>
Request header	
maYeuCau	Được sinh tự động từ phía các TGTT, dùng để định danh các lần gửi tin điện
kyBaoCao	Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy)
Method	POST
Content-Type	application/json
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
Request Body	

<b>Body</b>	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 ví điện tử trong 1 lần gửi báo cáo)
<b>Response Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên

### 1.16 Dịch vụ thu thập dữ liệu ban đầu các TKTT của các NHTM<sup>6</sup>

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	Cif	String (36 ký tự)	x	Mã số khách hàng
2	SoID	String (15 ký tự)	x	Số ID
3	LoaiID	Integer	x	Loại ID: 1. Thẻ căn cước công dân; 2. Thẻ căn cước; 3. Chứng minh nhân dân; 4. Hộ chiếu; 5. Giấy chứng nhận căn cước; 6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7. Giấy tờ khác.
4	TenKhachHang	String (150 ký tự)	x	Tên khách hàng
5	NgaySinh	String (10 ký tự)	x	Ngày sinh (có định dạng dd/MM/YYYY)
6	GioiTinh	Integer	x	Giới tính: 0: Nữ; 1: Nam; 2: Giá trị khác
7	MaSoThue	String (10 hoặc 13 ký tự)		Mã số thuế
8	SoDienThoaiDangKyDichVu	String (15 ký tự)	x	Số điện thoại đăng ký dịch vụ Mobile banking
9	DiaChi	String (300 ký tự)		Địa chỉ đăng ký thường trú của khách hàng: tổ dân phố hay xã/phường/thị trấn hay quận/huyện hay tỉnh/thành phố
10	DiaChiKiemSoatTruyCap	String (36 ký tự)	x	Địa chỉ kiểm soát truy cập phương tiện truyền thông - Media Access Control – MAC của thiết bị cài đặt Ứng

<sup>6</sup> Hiện tại API này chưa sử dụng

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
				dụng Mobile banking
11	MaSoNhanDangThietBiDiDong	String (36 ký tự)		Mã số nhận dạng thiết bị di động quốc tế (International Mobile Equipment Identity - IMEI) của thiết bị cài đặt ứng dụng Mobile banking
12	SoTaiKhoan	String (36 ký tự)	x	Số tài khoản
13	LoaiTaiKhoan	Integer		Loại tài khoản: 1- VNĐ 2- Ngoại tệ
14	TrangThaiHoatDongTaiKhoan	Integer	x	Trạng thái hoạt động của tài khoản: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử; 3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng.
15	NgayMoTaiKhoan	String (10 ký tự)	x	Ngày mở tài khoản (có định dạng dd/MM/YYYY)
16	PhuongThucMoTaiKhoa	Integer		Phương thức mở TKTT: 1 - mở tại quầy; 2 - mở qua eKYC
17	NgayXacThucTaiQuay	String (10 ký tự)		Ngày khách hàng xác thực trực tiếp tại quầy (có định dạng dd/MM/YYYY)
18	QuocTich	String (36 ký tự)	x	Quốc Tịch

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại

3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại
---	---------	---------	--

- Chi tiết dịch vụ:

<b>Địa chỉ kết nối</b>	
<b>URL</b>	<a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/thu-thap-ban-dau/1.0/thu-thap-danh-sach-tktt-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/thu-thap-ban-dau/1.0/thu-thap-danh-sach-tktt-api</a>
<b>Request header</b>	
maYeuCau	Được sinh tự động từ phía các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin điện
<b>Method</b>	POST
<b>Content-Type</b>	application/json
<b>Authorization</b>	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
<b>Request Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 tktt trong 1 lần gửi báo cáo)
<b>Response Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên

### 1.17 Dịch vụ thu thập dữ liệu ban đầu các TKTT nghi ngờ gian lận<sup>7</sup>

- ĐẶC TẢ ĐẦU VÀO API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	Cif	String (36 ký tự)	x	Mã số khách hàng
2	SoTaiKhoan	String (36 ký tự)	x	Số tài khoản
3	TenKhachHang	String (150 ký tự)	x	Tên khách hàng
4	TrangThaiHoatDongTaiKhoan	Integer	x	Trạng thái hoạt động của tài khoản: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử; 3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng.

<sup>7</sup> Hiện tại API này chưa sử dụng

5	NghiNgo	Integer	x	<p>Một trong các nội dung nghi ngờ được đánh số theo quy định của VTT:</p> <p>0 - Không nghi ngờ gian lận</p> <p>1 - Thông tin trong hồ sơ mở TKTT của chủ tài khoản không trùng khớp với thông tin của cá nhân đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.</p> <p>2 - TKTT nằm trong danh sách được quảng cáo, mua, bán, trao đổi trên các website, hội nhóm trên không gian mạng.</p> <p>3 - TKTT nhận tiền từ nhiều TKTT khác nhau và được chuyển đi hoặc rút ra ngay trong thời gian rất ngắn (không để lại số dư hoặc để lại rất ít).</p> <p>4 - TKTT có hơn 03 giao dịch nhận tiền từ các TKTT nằm trong danh sách có dấu hiệu nghi ngờ liên quan đến lừa đảo, gian lận, giả mạo,...</p> <p>5 - Khách hàng thuộc danh sách cảnh báo của NHNN, Cơ quan Công an hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác.</p> <p>6 - TKTT phát sinh giao dịch bất thường (Ví dụ: Giá trị, số lượng giao dịch lớn, bất thường không phù hợp với nghề nghiệp, độ tuổi, địa chỉ cư trú, lịch sử giao dịch và hành vi,... của chủ tài khoản; phát sinh các giao dịch với địa điểm, thời gian, tần suất bất thường...)</p> <p>7 - Một thông tin định danh duy nhất của thiết bị (địa chỉ MAC)</p>
---	---------	---------	---	--

				được sử dụng để thực hiện giao dịch cho nhiều hơn 01 TKTT. 8 - Dấu hiệu khác: ghi chú rõ nội dung cụ thể (footnote) đối với thông tin này.
6	GhiChu	String (500 ký tự)		Ghi chú

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại
3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
<b>URL</b>	<a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/thu-thap-ban-dau/1.0/thu-thap-danh-sach-tktt-nngl-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/thu-thap-ban-dau/1.0/thu-thap-danh-sach-tktt-nngl-api</a>
<b>Request header</b>	
maYeuCau	Được sinh tự động từ các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin điện
<b>Method</b>	POST
<b>Content-Type</b>	application/json
<b>Authorization</b>	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
<b>Request Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 tktt nngl trong 1 lần gửi báo cáo)
<b>Response Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên

### 1.18 Dịch vụ thu thập dữ liệu ban đầu các VDT KHCN<sup>8</sup>

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	Cif	String (36 ký tự)	x	Mã số khách hàng
2	SoID	String (15 ký tự)	x	Số ID
3	LoaiID	Integer	x	Loại ID: 1. Thẻ căn cước công dân ; 2. Thẻ căn cước; 3. Chứng minh nhân dân; 4. Hộ chiếu; 5. Giấy chứng nhận căn cước; 6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7. Giấy tờ khác).
4	TenKhachHang	String (150 ký tự)	x	Tên khách hàng
5	NgaySinh	String (10 ký tự)	x	Ngày sinh (có định dạng dd/MM/YYYY)
6	GioiTinh	Integer	x	Giới tính: 0: Nữ; 1: Nam; 2: Giá trị khác
7	MaSoThue	String (10 hoặc 13 ký tự)		Mã số thuế
8	SoDienThoaiDangKyDichVu	String (15 ký tự)	x	Số điện thoại đăng ký dịch vụ Mobile banking
9	DiaChi	String (300 ký tự)		Địa chỉ đăng ký thường trú của khách hàng: tổ dân phố hay xã/phường/thị trấn hay quận/huyện hay tỉnh/thành phố

<sup>8</sup> Hiện tại API này chưa sử dụng

10	DiaChiKiemSoatTruyCap	String (36 ký tự)	x	Địa chỉ kiểm soát truy cập phương tiện truyền thông - Media Access Control – MAC của thiết bị cài đặt Ứng dụng Mobile banking
11	MaSoNhanDangThietBiDiDong	String (36 ký tự)		Mã số nhận dạng thiết bị di động quốc tế (International Mobile Equipment Identity - IMEI) của thiết bị cài đặt ứng dụng Mobile banking
12	IdVdt	String (36 ký tự)	x	Số hiệu VDT (tùy theo quy ước của từng tổ chức TGTT)
13	LoaiVdt	Integer	x	Loại VDT: 1 - VDT khách hàng cá nhân (không phải là ĐVCNTT); 2 - VDT khách hàng cá nhân là ĐVCNTT.
14	TrangThaiHoatDongVdt	Integer	x	Trạng thái hoạt động của ví điện tử: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ; 3. Tạm khóa; 4. Đã đóng.
15	NgayMoVdt	String (10 ký tự)	x	Ngày mở ví điện tử (có định dạng dd/MM/YYYY)
16	NgayKyc	String (10 ký tự)		Ngày KYC (có định dạng dd/MM/YYYY)
17	NgayLienKetVoiTktt	String (10 ký tự)		Ngày liên kết với TKTT (có định dạng dd/MM/YYYY)
18	NgayTamKhoaHoacPhongToaVdt	String (10 ký tự)		Ngày tạm khóa hoặc phong tỏa Ví điện tử (có định dạng dd/MM/YYYY)
19	NgayDongVdt	String (10 ký tự)		Ngày đóng ví điện tử (có định dạng dd/MM/YYYY)
20	QuocTich	String (36 ký tự)	x	Quốc tịch
21	SoTaiKhoanDongVNTheGhiNoVDT	String (150 ký tự)	x	Số tài khoản đồng Việt Nam/thẻ ghi nợ liên kết Ví

				điện tử
--	--	--	--	---------

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại
3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
<b>URL</b>	<a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/thu-thap-ban-dau/1.0/thu-thap-danh-sach-vdt-khcn-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/thu-thap-ban-dau/1.0/thu-thap-danh-sach-vdt-khcn-api</a>
<b>Request header</b>	
maYeuCau	Được sinh tự động từ phía các TGTT, dùng để định danh các lần gửi tin điện
<b>Method</b>	POST
<b>Content-Type</b>	application/json
<b>Authorization</b>	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
<b>Request Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 ví điện tử trong 1 lần gửi báo cáo)
<b>Response Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên

### 1.19 Dịch vụ thu thập dữ liệu ban đầu các VDT KHTC<sup>9</sup>

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	Cif	String (36 ký tự)	x	Mã số khách hàng
2	SoID	String (15 ký tự)	x	Số ID
3	LoaiID	Integer	x	Loại ID: 1. Thẻ căn cước công dân ; 2. Thẻ căn cước; 3. Chứng minh nhân dân; 4. Hộ chiếu; 5. Giấy chứng nhận căn cước; 6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7. Giấy tờ khác.
4	TenKhachHang	String (150 ký tự)	x	Tên khách hàng
5	TenVietTat	String (75 ký tự)	x	Tên viết tắt
6	MaSoThue	String (10 hoặc 13 ký tự)	x	Mã số thuế
7	SoDienThoaiDangKyDichVu	String (15 ký tự)	x	Số điện thoại đăng ký dịch vụ Mobile banking
8	DiaChi	String (300 ký tự)		Địa chỉ đăng ký thường trú của khách hàng: tổ dân phố hay xã/phường/thị trấn hay quận/huyện hay tỉnh/thành phố
9	DiaChiKiemSoatTruyCap	String (36 ký tự)	x	Địa chỉ kiểm soát truy cập phương tiện truyền thông - Media Access Control – MAC của thiết bị cài đặt Ứng dụng Mobile banking

<sup>9</sup> Hiện tại API này chưa sử dụng

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
10	MaSoNhanDangThietBiDiDong	String (36 ký tự)		Mã số nhận dạng thiết bị di động quốc tế (International Mobile Equipment Identity - IMEI) của thiết bị cài đặt ứng dụng Mobile banking
11	IdVdt	String (36 ký tự)	x	Số hiệu VDT (tùy theo quy ước của từng tổ chức TGTT)
12	LoaiVdt	Integer	x	Loại VDT: 3 - [VDT mở cho khách hàng là tổ chức (không phải là ĐVCNTT)], 4 - [VDT mở cho khách hàng là tổ chức là ĐVCNTT]
13	TrangThaiHoatDongVdt	Integer	x	Trạng thái hoạt động của ví điện tử: 1-Đang kích hoạt 2-Đang tạm khóa hoặc phong tỏa 3-Đóng
14	NgayMoVdt	String (10 ký tự)	x	Ngày mở ví điện tử (có định dạng dd/MM/YYYY)
15	NgayKyc	String (10 ký tự)		Ngày KYC (có định dạng dd/MM/YYYY)
16	NgayLienKetVoiTktt	String (10 ký tự)		Ngày liên kết với TKTT (có định dạng dd/MM/YYYY)
17	NgayTamKhoaHoacPhongToaVdt	String (10 ký tự)		Ngày tạm khóa hoặc phong tỏa Ví điện tử (có định dạng dd/MM/YYYY)
18	NgayDongVdt	String (10 ký tự)		Ngày đóng ví điện tử (có định dạng dd/MM/YYYY)
19	SoTaiKhoanDongVNTheGhiNoVDT	String (150 ký tự)	x	Số tài khoản đồng Việt Nam/thẻ ghi nợ liên kết Ví điện tử

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại
3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại

- **Chi tiết dịch vụ:**

<b>Địa chỉ kết nối</b>	
<b>URL</b>	<a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/thu-thap-ban-dau/1.0/thu-thap-danh-sach-vdt-khtc-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/thu-thap-ban-dau/1.0/thu-thap-danh-sach-vdt-khtc-api</a>
<b>Request header</b>	
maYeuCau	Được sinh tự động từ phía các TGTT, dùng để định danh các lần gửi tin điện
<b>Method</b>	POST
<b>Content-Type</b>	application/json
<b>Authorization</b>	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
<b>Request Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 ví điện tử trong 1 lần gửi báo cáo)
<b>Response Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên

## 1.20 Dịch vụ thu thập dữ liệu ban đầu các VDT nghi ngờ gian lận<sup>10</sup>

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	Cif	String (36 ký tự)	x	Mã số khách hàng
2	TenKhachHang	String (150 ký tự)	x	Tên khách hàng
3	IdVdt	String (36 ký tự)	x	Số hiệu VDT (tùy theo quy ước của từng tổ chức TGTT)
4	LoaiVdt	Integer	x	Loại VDT: 1 - [VDT khách hàng cá nhân (không phải là ĐVCNTT)], 2 - [VDT khách hàng cá nhân là ĐVCNTT], 3 - [VDT mở cho khách hàng là tổ chức khác (không phải là ĐVCNTT)], 4 - [VDT mở cho khách hàng là tổ chức khác là ĐVCNTT]
5	TrangThaiHoatDongVdt	Integer	x	Trạng thái hoạt động của ví điện tử: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ; 3. Tạm khóa; 4. Đã đóng.
6	NgayMoVdt	String (10 ký tự)	x	Ngày mở ví điện tử (có định dạng dd/MM/YYYY)
7	NgayKyc	String (10 ký tự)		Ngày KYC (có định dạng dd/MM/YYYY)
8	NgayLienKetVoiTktt	String (10 ký tự)		Ngày liên kết với TKTT (có định dạng dd/MM/YYYY)

<sup>10</sup> Hiện tại API này chưa sử dụng

9	NghiNgo	Integer	x	<p>Một trong các nội dung nghi ngờ được đánh số theo quy định của VTT theo danh mục:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>0 - Không nghi ngờ gian lận</li> <li>1 - Thông tin trong hồ sơ mở Ví điện tử của chủ Ví điện tử không trùng khớp với thông tin của cá nhân đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.</li> <li>2 - Ví điện tử nằm trong danh sách được quảng cáo, mua, bán, trao đổi trên các website, hội nhóm trên không gian mạng.</li> <li>3 - Ví điện tử nhận tiền từ nhiều Ví điện tử, tài khoản đồng Việt Nam, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước định danh khác nhau và được chuyển đi hoặc rút ra ngay trong thời gian rất ngắn (không để lại số dư hoặc để lại rất ít).</li> <li>4 - Ví điện tử có hơn 03 giao dịch nhận tiền từ các Ví điện tử, tài khoản đồng Việt Nam, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước định danh nằm trong danh sách có dấu hiệu nghi ngờ liên quan đến lừa đảo, gian lận, giả mạo,...</li> <li>5 - Khách hàng thuộc danh sách cảnh báo của NHNN, Cơ quan Công an hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác.</li> <li>6 - Ví điện tử phát sinh giao dịch bất thường (Ví dụ: Giá trị, số lượng giao dịch lớn, bất thường không phù hợp với</li> </ul>
---	---------	---------	---	--

			nghề nghiệp, độ tuổi, địa chỉ cư trú, lịch sử giao dịch và hành vi,... của chủ Ví điện tử; phát sinh các giao dịch với địa điểm, thời gian, tần suất bất thường...)
			7 - Một thông tin định danh duy nhất của thiết bị (địa chỉ MAC) được sử dụng để thực hiện giao dịch cho nhiều hơn 01 Ví điện tử. 8 - Dấu hiệu khác: ghi chú rõ nội dung cụ thể (footnote) đối với thông tin này.)
10	GhiChu	String (500 ký tự)	Ghi chú

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại
3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
URL	<a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/thu-thap-ban-dau/1.0/thu-thap-danh-sach-vdt-nngl-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/thu-thap-ban-dau/1.0/thu-thap-danh-sach-vdt-nngl-api</a>
Request header	
maYeuCau	Được sinh tự động từ phía các TGTT, dùng để định danh các lần gửi tin điện
Method	POST
Content-Type	application/json
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
Request Body	
Body	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên

	(Không vượt quá 10,000 ví điện tử nngl trong 1 lần gửi báo cáo)
<b>Response Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên

## 1.21 Dịch vụ thu thập thông tin số dư TKĐBTT cho dịch vụ Ví điện tử tại các TGTT

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	ThoiGianDuLieu	String (17 ký tự)	x	Thời gian mà hệ thống nghiệp vụ của TGTT trích xuất dữ liệu báo cáo. Định dạng: dd/mm/yy hh:mm:ss
2	ThoiGianGuiBaoCao	String (17 ký tự)		Thời gian gửi báo cáo dưới dạng dd/mm/yy hh:mm:ss
3	SoLuongVDTTaiDonViChapNhanThanhToan	List Object		Thông tin số lượng ví điện tử đã phát hành, đã kích hoạt, đang hoạt động của khách hàng là các đơn vị chấp nhận thanh toán (ĐVCNTT). Bắt buộc có dữ liệu một trong các thông tin ví điện tử của khách hàng là ĐVCNTT
3.1	SoLuongVDTDaPhatHanh	Integer	x	Số lượng VDT đã phát hành cho khách hàng là ĐVCNTT
3.2	SoLuongVDTDaKichHoat	Integer	x	Số lượng VDT của khách hàng là ĐVCNTT đã được kích hoạt
3.3	SoLuongVDTDangHoatDong	Integer	x	Số lượng VDT của khách hàng là ĐVCNTT đang hoạt động
4	SoLuongVDTCaNhan	List Object		Thông tin số lượng ví điện tử đã phát hành, đã kích hoạt, đang hoạt động của khách hàng là cá nhân (không bao gồm khách hàng cá nhân là ĐVCNTT) Bắt buộc có dữ liệu một trong các thông tin ví điện tử của cá nhân

<b>TT</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Kiểu dữ liệu</b>	<b>Bắt buộc</b>	<b>Mô tả</b>
4.1	SoLuongVDTDaPhatHanh	Intenger	x	Số lượng VDT đã phát hành cho khách hàng là cá nhân (không bao gồm khách hàng cá nhân là ĐVCNTT)
4.2	SoLuongVDTDaKichHoat	Intenger	x	Số lượng VDT của khách hàng là cá nhân (không bao gồm khách hàng cá nhân là ĐVCNTT) đã được kích hoạt
4.3	SoLuongVDTDangHoatDong	Intenger	x	Số lượng VDT của khách hàng là cá nhân (không bao gồm khách hàng cá nhân là ĐVCNTT) đang hoạt động
5	SoLuongVDTToChuc	List Object		Thông tin số lượng ví điện tử đã phát hành, đã kích hoạt, đang hoạt động của khách hàng là tổ chức (không bao gồm khách hàng tổ chức là ĐVCNTT) Bắt buộc có dữ liệu một trong các thông tin ví điện tử của khách hàng là tổ chức
5.1	SoLuongVDTDaPhatHanh	Intenger	x	Số lượng VDT đã phát hành cho khách hàng là tổ chức (không bao gồm khách hàng tổ chức là ĐVCNTT)
5.2	SoLuongVDTDaKichHoat	Intenger	x	Số lượng VDT của khách hàng là tổ chức (không bao gồm khách hàng tổ chức là ĐVCNTT) đã được kích hoạt
5.3	SoLuongVDTDangHoatDong	Intenger	x	Số lượng VDT của khách hàng là tổ chức (không bao gồm khách hàng tổ chức là ĐVCNTT) đang hoạt động

<b>TT</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Kiểu dữ liệu</b>	<b>Bắt buộc</b>	<b>Mô tả</b>
6	SoDuVDTCuadonViChapNhanThanhToan	List Object		Thông tin số dư ví điện tử đã phát hành, đã kích hoạt, đang hoạt động của các khách hàng là ĐVCNTT Bắt buộc có dữ liệu một trong các thông tin ví điện tử của khách hàng là ĐVCNTT
6.1	SoDuVDTDaPhatHanh	Intenger	x	Số dư VDT đã phát hành cho khách hàng là ĐVCNTT
6.2	SoDuVDTDaKichHoat	Intenger	x	Số dư VDT đã kích hoạt của khách hàng là ĐVCNTT
6.3	SoDuVDTDangHoatDong	Intenger	x	Số dư VDT đang hoạt động của khách hàng là ĐVCNTT
7	SoDuVDTCaNhan	List Object		Thông tin số dư ví điện tử đã phát hành, đã kích hoạt, đang hoạt động của khách hàng là cá nhân (không bao gồm khách hàng cá nhân là ĐVCNTT) Bắt buộc có dữ liệu một trong các thông tin ví điện tử của cá nhân
7.1	SoDuVDTDaPhatHanh	Intenger	x	Số dư VDT đã phát hành của khách hàng là cá nhân (không bao gồm khách hàng cá nhân là ĐVCNTT)
7.2	SoDuVDTDaKichHoat	Intenger	x	Số dư VDT đã kích hoạt của khách hàng là cá nhân (không bao gồm khách hàng cá nhân là ĐVCNTT)

<b>TT</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Kiểu dữ liệu</b>	<b>Bắt buộc</b>	<b>Mô tả</b>
7.3	SoDuVDTDangHoatDong	Intenger	x	Số dư VDT đang hoạt động của khách hàng là cá nhân (không bao gồm khách hàng cá nhân là ĐVCNTT)
8	SoDuVDTToChuc	List Object		Thông tin số dư ví điện tử đã phát hành, đã kích hoạt, đang hoạt động của khách hàng là các tổ chức (không bao gồm khách hàng tổ chức là ĐVCNTT) Bắt buộc có dữ liệu một trong các thông tin ví điện tử của khách hàng là tổ chức
8.1	SoDuVTDaPhatHanh	Intenger	x	Số dư VDT đã phát hành của khách hàng là tổ chức (không bao gồm khách hàng tổ chức là ĐVCNTT)
8.2	SoDuVTDaKichHoa	Intenger	x	Số dư VDT đã kích hoạt của khách hàng là tổ chức (không bao gồm khách hàng tổ chức là ĐVCNTT)
8.3	SoDuVDTDangHoatDong	Intenger	x	Số dư VDT đang hoạt động của khách hàng là tổ chức (không bao gồm khách hàng tổ chức là ĐVCNTT)
9	SoDuTKDBTTChoDichVuVDT	List Object		Thông tin số dư TKĐBTT cho dịch vụ ví điện tử của tổ chức TGTT mở tại các ngân hàng hợp tác
9.1	MaNganHang	String (8 ký tự)	x	Mã Ngân hàng mở và quản lý TKĐBTT trong danh mục đơn vị
9.2	TenNganHang	String (150 ký tự)	x	Tên Ngân hàng mở và quản lý TKĐBTT

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
9.3	SoHieuTKDBTT	String (30 ký tự)	x	Số hiệu TKĐBTT
9.4	SoDuTKDBTT	Integer	x	Số dư TKĐBTT tại thời gian được quy định tại trường ThoiGianDuLieu

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại
3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
<b>URL</b>	<a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/thu-thap-so-du-tkdbtt/1.0/thu-thap-so-du-tkdbtt-tai-tgtt-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/thu-thap-so-du-tkdbtt/1.0/thu-thap-so-du-tkdbtt-tai-tgtt-api</a>
<b>Request header</b>	
maYeuCau	Được sinh tự động từ phía các TGTT, dùng để định danh các lần gửi tin điện
<b>Method</b>	POST
<b>Content-Type</b>	application/json
<b>Authorization</b>	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
<b>Request Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên
<b>Response Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên

## 1.22 Dịch vụ thu thập thông tin số dư TKĐBTT cho dịch vụ Ví điện tử tại các ngân hàng hợp tác

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	ThoiGianDuLieu	String (17 ký tự)	x	Thời gian mà hệ thống nghiệp vụ của NHHT trích xuất dữ liệu báo cáo. Định dạng: dd/mm/yy hh:mm:ss
2	ThoiGianGuiBaoCao	String (17 ký tự)		Thời gian gửi báo cáo dưới dạng dd/mm/yy hh:mm:ss
3	TKDBTTTaiNHHT	List Object	x	Thông tin TKĐBTT của các TGTT tại ngân hàng báo cáo
3.1	MaToChucTGTT	String (8 ký tự)	x	Mã tổ chức TGTT mở và sử dụng TKĐBTT tại ngân hàng báo cáo
3.2	SoHieuTKDBTT	String (30 ký tự)	x	Số hiệu TKĐBTT
3.3	SoDuTKDBTT	Intenger	x	Số dư TKĐBTT tại thời gian được quy định tại trường ThoiGianDuLieu

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại
3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
URL	<a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/thu-thap-so-du-tkdbtt/1.0/thu-thap-so-du-tkdbtt-tai-ngan-hang-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/thu-thap-so-du-tkdbtt/1.0/thu-thap-so-du-tkdbtt-tai-ngan-hang-api</a>
Request header	
maYeuCau	Được sinh tự động từ phía các ngân hàng hợp tác, dùng để định danh

	các lần gửi tin điện
<b>Method</b>	POST
<b>Content-Type</b>	application/json
<b>Authorization</b>	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
<b>Request Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên
<b>Response Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên

### 1.23 Dịch vụ thu thập danh sách TKTT của tổ chức định kỳ

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	Cif	String (36 ký tự)	x	Điền số CIF của khách hàng, tối đa 36 ký tự
2	TenToChuc	String (150 ký tự)	x	Điền tên của khách hàng theo số giấy phép thành lập. Tối đa 150 ký tự.
3	SoGiayPhepThanhLap	String (15 ký tự)	x	Số giấy phép thành lập của tổ chức theo loại giấy tờ thành lập tổ chức. Tối đa 15 ký tự.
4	LoaiGiayToThanhLapToChuc	Integer	x	Loại giấy tờ thành lập tổ chức. Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4 được mô tả như bên dưới: 1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; 2. Giấy phép thành lập tổ chức; 3. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; 4. Giấy tờ chứng minh tổ chức được thành lập khác; 99. Chưa thu thập được.
5	NgayThanhLap	String (10 ký tự)	x	Ngày thành lập. Định dạng DD/MM/YYYY.
6	DiaChiToChuc	String (300 ký tự)	x	Điền địa chỉ của tổ chức. Tối đa 300 ký tự.
7	HoTenNguoiDaiDien	String (150 ký tự)	x	Điền họ và tên của người đại diện hợp pháp của tổ chức theo số giấy tờ tùy thân của người đại diện hợp pháp. Tối đa 150 ký tự.
8	SoGiayToTuyThan	String (15 ký tự)	x	Điền số giấy tờ tùy thân của người đại diện hợp pháp theo loại giấy tờ tùy thân của người đại diện hợp pháp. Tối đa 15 ký tự.

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
9	LoaiGiayToTuyThan	Integer	x	<p>Loại giấy tờ tùy thân của người đại diện hợp pháp. Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 được mô tả như bên dưới:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thẻ căn cước công dân;</li> <li>2. Thẻ căn cước;</li> <li>3. Chứng minh nhân dân;</li> <li>4. Hộ chiếu;</li> <li>5. Giấy chứng nhận căn cước;</li> <li>6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử;</li> <li>7. Giấy tờ khác;</li> </ol> <p>99. Chưa thu thập được.</p>
10	NgaySinh	String (10 ký tự)	x	Điền ngày tháng năm sinh của người đại diện hợp pháp theo số giấy tờ tùy thân của người đại diện hợp pháp. Định dạng DD/MM/YYYY.
11	GioiTinh	Integer	x	<p>Giới tính của người đại diện hợp pháp. Chọn 1 trong các số 0, 1, 2 được mô tả như bên dưới:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>0. Nữ;</li> <li>1. Nam;</li> <li>2. Khác.</li> </ol>
12	QuocTich	String (36 ký tự)	x	Quốc tịch của người đại diện hợp pháp. Tối đa 36 ký tự.
13	DienThoai	String (120 ký tự)	x	<p>Số điện thoại người đại diện hợp pháp.</p> <p>Tối đa 120 ký tự từ số 0 đến số 9 và cho phép nhập 1 trong các ký tự „;” để làm phân cách trường hợp nhiều số điện thoại.</p>
14	SoTaiKhoanToChu	String (36 ký tự)	x	Số tài khoản tổ chức. Tối đa

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
				36 ký tự từ số 0 đến số 9
15	NgayMoTaiKhoan	String (10 ký tự)	x	Ngày mở tài khoản. Định dạng DD/MM/YYYY.
16	TrangThaiTaiKhoa n	Integer	x	Trạng thái tài khoản. Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4 được mô tả như bên dưới: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử; 3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng; 99. Chưa thu thập được.
17	DienThoaiNHDT	String (120 ký tự)	x	Điện số điện thoại đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử. Tối đa 120 ký tự từ số 0 đến số 9 và cho phép nhập 1 trong các ký tự ;  để làm phân cách trường hợp nhiều số điện thoại.
18	DiaChiMAC	String (60 ký tự)	x	Địa chỉ định danh thiết bị (MAC) của thiết bị truy cập Internet Banking của tổ chức. Tối đa 60 ký tự.
19	SOIMEI	String (36 ký tự)	x	Mã số nhận dạng thiết bị di động (IMEI) của thiết bị cài đặt ứng dụng Mobile Banking của tổ chức. Tối đa 36 ký tự.

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại

3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại
---	---------	---------	--

- **Chi tiết dịch vụ:**

<b>Địa chỉ kết nối</b>	
<b>URL</b>	<a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/khdn/1.0/upload-bao-cao-danh-sach-tktt-khdn-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/khdn/1.0/upload-bao-cao-danh-sach-tktt-khdn-api</a>
<b>Request header</b>	
maYeuCau	Được sinh tự động từ phía các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin điện
kyBaoCao	Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy)
<b>Method</b>	POST
<b>Content-Type</b>	application/json
<b>Authorization</b>	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
<b>Request Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 tktt trong 1 lần gửi báo cáo)
<b>Response Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên

### 1.24 Dịch vụ thu thập danh sách TKTT của tổ chức nghi ngờ gian lận

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	Cif	String (36 ký tự)	x	Điền số CIF của khách hàng, tối đa 36 ký tự
2	TenToChuc	String (150 ký tự)	x	Điền tên của khách hàng theo số giấy phép thành lập. Tối đa 150 ký tự.
3	SoGiayPhepThanhLap	String (15 ký tự)	x	Số giấy phép thành lập của tổ chức theo loại giấy tờ thành lập tổ chức. Tối đa 15 ký tự.
4	SoTaiKhoanToChuc	String (36 ký tự)	x	Số tài khoản của tổ chức. Tối đa 36 ký tự từ số 0 đến số 9.
5	TrangThaiTaiKhoan	Integer	x	Trạng thái tài khoản. Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4 được mô tả như bên dưới: 1. Đang hoạt động; 2. Tam ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử; 3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng; 99. Chưa thu thập được.
6	NghiNgo	Integer	x	Nội dung nghi ngờ được đánh số theo quy định của VTT. Chọn 1 trong các số 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 được mô tả như bên dưới: 0 - Không nghi ngờ gian lận; 1 - Thông tin trong hồ sơ tài khoản thanh toán của tổ chức, người đại diện hợp pháp của tổ chức không trùng khớp với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia; 2 - Tài khoản thanh toán tổ chức nằm trong danh sách được quảng cáo, mua, bán, trao

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
				<p>đổi trên các website, hội nhóm trên không gian mạng;</p> <p>3- Tài khoản thanh toán nhận tiền từ nhiều tài khoản thanh toán khác nhau và được chuyển đi hoặc rút ra ngay trong thời gian rất ngắn (không để lại số dư hoặc để lại rất ít);</p> <p>4- Tài khoản thanh toán có hơn 03 giao dịch nhận tiền từ các tài khoản thanh toán nằm trong danh sách có dấu hiệu nghi ngờ liên quan đến lừa đảo, gian lận, giả mạo, ...;</p> <p>5- Tổ chức/tài khoản thanh toán/người đại diện hợp pháp của tổ chức thuộc danh sách cảnh báo của Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Công an hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác;</p> <p>6- Tài khoản thanh toán phát sinh giao dịch bất thường (giá trị, số lượng, tần suất, thời gian, địa điểm giao dịch bất thường; không phù hợp với ngành nghề kinh doanh, lịch sử giao dịch của tổ chức);</p> <p>7- Một địa chỉ MAC của thiết bị được sử dụng để thực hiện giao dịch cho nhiều hơn 01 tài khoản thanh toán;</p> <p>8- Dấu hiệu khác: ghi chú rõ nội dung cụ thể (footnote) đối với thông tin này.</p>

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về

			00: Thành công Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại
3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại

- **Chi tiết dịch vụ:**

<b>Địa chỉ kết nối</b>	
<b>URL</b>	<a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/khdn/1.0/upload-bao-cao-tktt-khdn-nngl-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/khdn/1.0/upload-bao-cao-tktt-khdn-nngl-api</a>
<b>Request header</b>	
maYeuCau	Được sinh tự động từ các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin điện
kyBaoCao	Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy)
<b>Method</b>	POST
<b>Content-Type</b>	application/json
<b>Authorization</b>	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
<b>Request Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 tktt nngl trong 1 lần gửi báo cáo)
<b>Response Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên

### 1.25 Dịch vụ cập nhật lại thông tin TKTT của tổ chức nghi ngờ gian lận

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	Cif	String (36 ký tự)	x	Điền số CIF của khách hàng, tối đa 36 ký tự
2	TenToChuc	String (150 ký tự)	x	Điền tên của khách hàng theo số giấy phép thành lập. Tối đa 150 ký tự.
3	SoGiayPhepThanhLap	String (15 ký tự)	x	Số giấy phép thành lập của tổ chức theo loại giấy tờ thành lập tổ chức. Tối đa 15 ký tự.
4	SoTaiKhoanToChuc	String (36 ký tự)	x	Số tài khoản của tổ chức. Tối đa 36 ký tự từ số 0 đến số 9.
5	TrangThaiTaiKhoan	Integer	x	Trạng thái tài khoản. Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4 được mô tả như bên dưới: 1. Đang hoạt động; 2. Tam ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử; 3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng; 99. Chưa thu thập được.
6	NghiNgo	Integer	x	Nội dung nghi ngờ được đánh số theo quy định của VTT. Chọn 1 trong các số 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 được mô tả như bên dưới: 0 - Không nghi ngờ gian lận; 1 - Thông tin trong hồ sơ tài khoản thanh toán của tổ chức, người đại diện hợp pháp của tổ chức không trùng khớp với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia; 2 - Tài khoản thanh toán tổ chức nằm trong danh sách được quảng cáo, mua, bán,

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
				<p>trao đổi trên các website, hội nhóm trên không gian mạng;</p> <p>3- Tài khoản thanh toán nhận tiền từ nhiều tài khoản thanh toán khác nhau và được chuyển đi hoặc rút ra ngay trong thời gian rất ngắn (không để lại số dư hoặc để lại rất ít);</p> <p>4- Tài khoản thanh toán có hơn 03 giao dịch nhận tiền từ các tài khoản thanh toán nằm trong danh sách có dấu hiệu nghi ngờ liên quan đến lừa đảo, gian lận, giả mạo, ...;</p> <p>5- Tổ chức/tài khoản thanh toán/người đại diện hợp pháp của tổ chức thuộc danh sách cảnh báo của Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Công an hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác;</p> <p>6- Tài khoản thanh toán phát sinh giao dịch bất thường (giá trị, số lượng, tần suất, thời gian, địa điểm giao dịch bất thường; không phù hợp với ngành nghề kinh doanh, lịch sử giao dịch của tổ chức);</p> <p>7- Một địa chỉ MAC của thiết bị được sử dụng để thực hiện giao dịch cho nhiều hơn 01 tài khoản thanh toán;</p> <p>8- Dấu hiệu khác: ghi chú rõ nội dung cụ thể (footnote) đối với thông tin này.</p>
7	LyDoCapNhat	String (500 ký tự)		Lý do cập nhật. Tối đa 500 ký tự.

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại
3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại

- **Chi tiết dịch vụ:**

<b>Địa chỉ kết nối</b>	
<b>URL</b>	<a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/khdn/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-tktt-khdn-nngl-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/khdn/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-tktt-khdn-nngl-api</a>
<b>Request header</b>	
maYeuCau	Được sinh tự động từ các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin điện
kyBaoCao	Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy)
<b>Method</b>	POST
<b>Content-Type</b>	application/json
<b>Authorization</b>	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
<b>Request Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 tktt nngl trong 1 lần gửi báo cáo)
<b>Response Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên

### 1.26 Dịch vụ cập nhật lại thông tin khách hàng mới TKTT của tổ chức

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	Cif	String (36 ký tự)	x	Điền số CIF của khách hàng, tối đa 36 ký tự
2	TenToChuc	String (150 ký tự)	x	Điền tên của khách hàng theo số giấy phép thành lập. Tối đa 150 ký tự.
3	SoGiayPhepThanhLap	String (15 ký tự)	x	Số giấy phép thành lập của tổ chức theo loại giấy tờ thành lập tổ chức. Tối đa 15 ký tự.
4	LoaiGiayToThanhLapToChuc	Integer	x	Loại giấy tờ thành lập tổ chức. Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4 được mô tả như bên dưới: 1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; 2. Giấy phép thành lập tổ chức; 3. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; 4. Giấy tờ chứng minh tổ chức được thành lập khác; 99. Chưa thu thập được.
5	NgayThanhLap	String (10 ký tự)	x	Ngày thành lập. Định dạng DD/MM/YYYY.
6	DiaChiToChuc	String (300 ký tự)	x	Điền địa chỉ của tổ chức. Tối đa 300 ký tự.
7	HoTenNguoiDaiDien	String (150 ký tự)	x	Điền họ và tên của người đại diện hợp pháp của tổ chức theo số giấy tờ tùy thân của người đại diện hợp pháp. Tối đa 150 ký tự.
8	SoGiayToTuyThan	String (15 ký tự)	x	Điền số giấy tờ tùy thân của người đại diện hợp pháp theo loại giấy tờ tùy thân của người đại diện hợp pháp. Tối đa 15 ký tự.

<b>TT</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Kiểu dữ liệu</b>	<b>Bắt buộc</b>	<b>Mô tả</b>
9	LoaiGiayToTuyThan	Integer	x	<p>Loại giấy tờ tùy thân của người đại diện hợp pháp.</p> <p>Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 được mô tả như bên dưới:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thẻ căn cước công dân;</li> <li>2. Thẻ căn cước;</li> <li>3. Chứng minh nhân dân;</li> <li>4. Hộ chiếu;</li> <li>5. Giấy chứng nhận căn cước;</li> <li>6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử;</li> <li>7. Giấy tờ khác;</li> </ol> <p>99. Chưa thu thập được.</p>
10	NgaySinh	String (10 ký tự)	x	Điền ngày tháng năm sinh của người đại diện hợp pháp theo số giấy tờ tùy thân của người đại diện hợp pháp. Định dạng DD/MM/YYYY.
11	GioiTinh	Integer	x	<p>Giới tính của người đại diện hợp pháp. Chọn 1 trong các số 0, 1, 2 được mô tả như bên dưới:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>0. Nữ;</li> <li>1. Nam;</li> <li>2. Khác.</li> </ol>
12	QuocTich	String (36 ký tự)	x	Quốc tịch của người đại diện hợp pháp. Tối đa 36 ký tự.
13	DienThoai	String (120 ký tự)	x	Số điện thoại người đại diện hợp pháp. Tối đa 120 ký tự từ số 0 đến số 9 và cho phép nhập 1 trong các ký tự ,;  để làm phân cách trường hợp nhiều số điện thoại.
14	SoTaiKhoanToChu	String (36 ký tự)	x	Số tài khoản tổ chức. Tối đa 36 ký tự từ số 0 đến số 9
15	NgayMoTaiKhoan	String (10 ký tự)	x	Ngày mở tài khoản. Định

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
				dạng DD/MM/YYYY.
16	TrangThaiTaiKhoan	Integer	x	Trạng thái tài khoản. Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4 được mô tả như bên dưới: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử; 3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng; 99. Chưa thu thập được.
17	DienThoaiNHDT	String (120 ký tự)	x	Điện số điện thoại đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử. Tối đa 120 ký tự từ số 0 đến số 9 và cho phép nhập 1 trong các ký tự ,;  để làm phân cách trường hợp nhiều số điện thoại.
18	DiaChiMAC	String (60 ký tự)	x	Địa chỉ định danh thiết bị (MAC) của thiết bị truy cập Internet Banking của tổ chức. Tối đa 60 ký tự.
19	SOIMEI	String (36 ký tự)	x	Mã số nhận dạng thiết bị di động (IMEI) của thiết bị cài đặt ứng dụng Mobile Banking của tổ chức. Tối đa 36 ký tự.

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại
3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công,

			False: tiếp nhận dữ liệu thất bại
--	--	--	-----------------------------------

- **Chi tiết dịch vụ:**

<b>Địa chỉ kết nối</b>	
<b>URL</b>	<a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/khdn/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-danh-sach-tktt-khdn-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/khdn/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-danh-sach-tktt-khdn-api</a>
<b>Request header</b>	
maYeuCau	Được sinh tự động từ phía các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin điện
kyBaoCao	Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy)
<b>Method</b>	POST
<b>Content-Type</b>	application/json
<b>Authorization</b>	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
<b>Request Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 tktt trong 1 lần gửi báo cáo)
<b>Response Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên

### 1.27 Dịch vụ thu thập danh sách ĐVCNTT định kỳ

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	Cif	String (36 ký tự)	x	Điền số CIF của khách hàng. Tối đa 36 ký tự.
2	MaSoDoanhNghiep	String (15 ký tự)	x	Điền mã số doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Tối đa 15 ký tự.
3	SoId	String (15 ký tự)	x	Số ID của Người đại diện hợp pháp. Ưu tiên điền số CCCD. Tối đa 15 kí tự.
4	LoaiId	Integer	x	Loại ID (người đại diện hợp pháp). Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 được mô tả như sau:  1. Thẻ căn cước công dân; 2. Thẻ căn cước; 3. Chứng minh nhân dân; 4. Hộ chiếu; 5. Giấy chứng nhận căn cước; 6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7. Giấy tờ khác; 99. Chưa thu thập được.
5	HoTenNguoiDaiDieu	String (150 ký tự)	x	Điền Họ và tên của Người đại diện hợp pháp theo giấy tờ của loại ID. Tối đa 150 ký tự.
6	NgaySinh	String (10 ký tự)	x	Điền ngày sinh của Người đại diện hợp pháp theo định dạng dd/mm/yyyy.
7	QuocTich	String (36 ký tự)	x	Điền quốc tịch của Người đại diện hợp pháp. Tối đa 36 kí tự

<b>TT</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Kiểu dữ liệu</b>	<b>Bắt buộc</b>	<b>Mô tả</b>
8	TenDvcntt	String (150 ký tự)	x	Điền tên của ĐVCNTT theo Giấy tờ đăng ký kinh doanh. Tối đa 150 ký tự.
9	loaiHinhKinhDoanh	String (150 ký tự)	x	Điền loại hình kinh doanh theo giấy tờ đăng ký kinh doanh. Tối đa 300 ký tự.
10	MaSoThue	String (13 ký tự)		Mã định danh điện tử của tổ chức/Mã số thuế (nếu có). Điền một trong số các giá trị sau: 1,2: 1- Mã định danh tổ chức-XXXXXX 2- Mã số thuế-XXXXXXX Điền dạng số viết liền có ký tự từ 8 đến 15 ký tự.
11	DienThoai	String (120 ký tự)	x	Điền số điện thoại đăng ký dịch vụ Mobile banking (mở và sử dụng tài khoản nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ). Tối đa 120 ký tự từ số 0 đến số 9 và cho phép nhập 1 trong các ký tự ;  để làm phân cách trường hợp nhiều số điện thoại.
12	DiaChi	String (300 ký tự)	x	Điền địa chỉ của ĐVCNTT. Tối đa 300 ký tự.
13	DiaChiMac	String (60 ký tự)	x	Điền địa chỉ kiểm soát truy cập phương tiện truyền thông - Media Access Control – MAC của thiết bị cài đặt Ứng dụng Mobile banking hoặc thiết bị chấp nhận thanh toán. Tối đa 60 ký tự.

<b>TT</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Kiểu dữ liệu</b>	<b>Bắt buộc</b>	<b>Mô tả</b>
14	SoImei	String (36 ký tự)		Điền số Mã số nhận dạng thiết bị di động quốc tế (International Mobile Equipment Identity - IMEI) của thiết bị cài đặt ứng dụng Mobile banking. Tối đa 36 ký tự.
15	SoTaiKhoan	String (36 ký tự)	x	Điền số tài khoản nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ. Chỉ điền các ký tự dạng số (từ 0 đến 9), viết liền. Tối đa 36 ký tự.
16	TenChuTaiKhoan	String (150 ký tự)	x	Điền tên chủ tài khoản của doanh nghiệp/hộ kinh doanh theo giấy tờ đăng ký kinh doanh/tên chủ hộ kinh doanh. Tối đa 150 ký tự.
17	NganHangMoTk	String (150 ký tự)	x	Điền tên ngân hàng mở tài khoản. Tối đa 150 ký tự.
18	LoaiTaiKhoan	Integer	x	Loại tài khoản. Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4 được mô tả như sau: 1. Tài khoản tổ chức (VNĐ); 2. Tài khoản tổ chức (Ngoại tệ); 3. Tài khoản cá nhân (VNĐ); 4. Tài khoản cá nhân (Ngoại tệ); 99. Chưa thu thập được.
19	TrangThaiTaiKhoa n	Integer	x	Trạng thái hoạt động của tài khoản. Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4, 5 được mô tả như sau: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử;

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
				3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng; 99. Chưa thu thập được.
20	NgayMoTaiKhoan	String (10 ký tự)		Điền ngày mở tài khoản theo định dạng dd/mm/yyyy.

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại
3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
URL	<a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/dvcntt/1.0/upload-bao-cao-danh-sach-dvcntt-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/dvcntt/1.0/upload-bao-cao-danh-sach-dvcntt-api</a>
Request header	
maYeuCau	Được sinh tự động từ phía các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin điện
kyBaoCao	Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy)
Method	POST
Content-Type	application/json
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
Request Body	
Body	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 ĐVCNTT trong 1 lần gửi báo cáo)
Response Body	
Body	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên

### 1.28 Dịch vụ thu thập danh sách ĐVCNTT nghi ngờ gian lận

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	Cif	String (36 ký tự)	x	Điền số CIF của khách hàng. Tối đa 36 ký tự.
2	TenDvcntt	String (150 ký tự)	x	Điền tên của ĐVCNTT theo giấy tờ đăng ký kinh doanh. Tối đa 150 ký tự.
3	MaSoDoanhNghiep	String (15 ký tự)	x	Điền mã số doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Tối đa 15 ký tự.
4	SoTaiKhoan	String (36 ký tự)	x	Điền số tài khoản nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ. Chỉ điền các ký tự dạng số (từ 0 đến 9), viết liền. Tối đa 36 ký tự.
5	TrangThaiTaiKhoan	Integer	x	Trạng thái hoạt động của tài khoản. Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4, 5 được mô tả như sau: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử; 3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng; 99. Chưa thu thập được.
6	NghiNgo	Integer	x	Nội dung nghi ngờ được đánh số theo quy định của VTT. Chọn 1 trong các số 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 được mô tả như bên dưới: 0 - Không nghi ngờ gian lận; 1 – (i) Thông tin trong hồ sơ, giấy tờ của ĐVCNTT không trùng khớp với thông tin của ĐVCNTT đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp/dân cư. (ii)

<b>TT</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Kiểu dữ liệu</b>	<b>Bắt buộc</b>	<b>Mô tả</b>
				<p>Nghi ngờ tính hợp pháp, hợp lệ của giấy tờ, tài liệu, thông tin, dữ liệu trong hồ sơ cung cấp cho tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán khi ký kết hợp đồng hợp tác;</p> <p>2 – ĐVCNTT nằm trong danh sách vi phạm về trốn thuế, lừa đảo, kinh doanh ngành nghề không đúng ngành nghề đăng ký;</p> <p>3 – Có cơ sở nghi ngờ thực hiện giao dịch thanh toán không (không phát sinh mua, bán hàng hóa, dịch vụ);</p> <p>4 – Số lượng, giá trị, tần suất giao dịch thanh toán không phù hợp với thông tin nhận biết về loại hình kinh doanh của ĐVCNTT;</p> <p>5 – TKTT của ĐVCNTT nhận tiền có nội dung lệnh chuyển tiền chứa các ký tự, thuật ngữ như: chuyển tiền cho Tòa án, Viện kiểm sát, Công an, Thanh tra, giao thông, chuyển tiền phục vụ công tác điều tra, ...;</p> <p>6 – Mã định danh của thiết bị di động (device ID), địa chỉ IP được sử dụng để cài đặt ứng dụng ngân hàng (Mobile Banking App) hoặc thiết bị chấp nhận thanh toán bị thay đổi;</p> <p>7 – ĐVCNTT thuộc danh sách cảnh báo của NHNN, Cơ quan Công an hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác;</p> <p>8 - Dấu hiệu khác: ghi chú rõ</p>

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
				nội dung cụ thể (footnote) đối với thông tin này.
7	GhiChu	String (500 ký tự)		Điều thông tin ghi chú nếu có. Tối đa 500 ký tự.

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại
3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
URL	<a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/dvcntt/1.0/upload-bao-cao-danh-sach-dvcntt-nngl-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/dvcntt/1.0/upload-bao-cao-danh-sach-dvcntt-nngl-api</a>
Request header	
maYeuCau	Được sinh tự động từ các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin điện
kyBaoCao	Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy)
Method	POST
Content-Type	application/json
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
Request Body	
Body	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 ĐVCNTT NNGL trong 1 lần gửi báo cáo)
Response Body	
Body	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên

### 1.29 Dịch vụ thu thập danh sách cập nhật ĐVCNTT nghi ngờ gian lận

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	Cif	String (36 ký tự)	x	Điền số CIF của khách hàng. Tối đa 36 ký tự.
2	TenDvcntt	String (150 ký tự)	x	Điền tên của ĐVCNTT theo giấy tờ đăng ký kinh doanh. Tối đa 150 ký tự.
3	MaSoDoanhNghiep	String (15 ký tự)	x	Điền mã số doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Tối đa 15 ký tự.
4	SoTaiKhoan	String (36 ký tự)	x	Điền số tài khoản nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ. Chỉ điền các ký tự dạng số (từ 0 đến 9), viết liền. Tối đa 36 ký tự.
5	TrangThaiTaiKhoan	Integer	x	Trạng thái hoạt động của tài khoản. Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4, 5 được mô tả như sau: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử; 3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng; 99. Chưa thu thập được.
6	NghiNgo	Integer	x	Nội dung nghi ngờ được đánh số theo quy định của VTT. Chọn 1 trong các số 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 được mô tả như bên dưới: 0 - Không nghi ngờ gian lận; 1 – (i) Thông tin trong hồ sơ, giấy tờ của ĐVCNTT không trùng khớp với thông tin của ĐVCNTT đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp/dân cư. (ii)

<b>TT</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Kiểu dữ liệu</b>	<b>Bắt buộc</b>	<b>Mô tả</b>
				<p>Nghi ngờ tính hợp pháp, hợp lệ của giấy tờ, tài liệu, thông tin, dữ liệu trong hồ sơ cung cấp cho tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán khi ký kết hợp đồng hợp tác;</p> <p>2 – ĐVCNTT nằm trong danh sách vi phạm về trốn thuế, lừa đảo, kinh doanh ngành nghề không đúng ngành nghề đăng ký;</p> <p>3 – Có cơ sở nghi ngờ thực hiện giao dịch thanh toán không (không phát sinh mua, bán hàng hóa, dịch vụ);</p> <p>4 – Số lượng, giá trị, tần suất giao dịch thanh toán không phù hợp với thông tin nhận biết về loại hình kinh doanh của ĐVCNTT;</p> <p>5 – TKTT của ĐVCNTT nhận tiền có nội dung lệnh chuyển tiền chứa các ký tự, thuật ngữ như: chuyển tiền cho Tòa án, Viện kiểm sát, Công an, Thanh tra, giao thông, chuyển tiền phục vụ công tác điều tra, ...;</p> <p>6 – Mã định danh của thiết bị di động (device ID), địa chỉ IP được sử dụng để cài đặt ứng dụng ngân hàng (Mobile Banking App) hoặc thiết bị chấp nhận thanh toán bị thay đổi;</p> <p>7 – ĐVCNTT thuộc danh sách cảnh báo của NHNN, Cơ quan Công an hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác;</p> <p>8 - Dấu hiệu khác: ghi chú</p>

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
				rõ nội dung cụ thể (footnote) đối với thông tin này.
7	LyDoCapNhat	String (150 ký tự)		Điền lý do cập nhật. Tối đa 150 ký tự.
8	GhiChu	String (500 ký tự)		Điền thông tin ghi chú nếu có. Tối đa 500 ký tự.

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại
3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
<b>URL</b>	<a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/dvcntt/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-danh-sach-dvcntt-nngl-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/dvcntt/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-danh-sach-dvcntt-nngl-api</a>
<b>Request header</b>	
maYeuCau	Được sinh tự động từ các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin điện
kyBaoCao	Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy)
<b>Method</b>	POST
<b>Content-Type</b>	application/json
<b>Authorization</b>	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
<b>Request Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 ĐVCNTT NNGL trong 1 lần gửi báo cáo)
<b>Response Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên

### 1.30 Dịch vụ thu thập danh sách cập nhật ĐVCNTT doanh nghiệp/hộ kinh doanh

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	Cif	String (36 ký tự)	x	Điền số CIF của khách hàng. Tối đa 36 ký tự.
2	MaSoDoanhNghiep	String (15 ký tự)	x	Điền mã số doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Tối đa 15 ký tự.
3	SoId	String (15 ký tự)	x	Số ID của Người đại diện hợp pháp. Ưu tiên điền số CCCD. Tối đa 15 ký tự.
4	LoaiId	Integer	x	Loại ID (người đại diện hợp pháp). Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 được mô tả như sau:  1. Thẻ căn cước công dân; 2. Thẻ căn cước; 3. Chứng minh nhân dân; 4. Hộ chiếu; 5. Giấy chứng nhận căn cước; 6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7. Giấy tờ khác; 99. Chưa thu thập được.
5	HoTenNguoiDaiDieu	String (150 ký tự)	x	Điền Họ và tên của Người đại diện hợp pháp theo giấy tờ của loại ID. Tối đa 150 ký tự.
6	NgaySinh	String (10 ký tự)	x	Điền ngày sinh của Người đại diện hợp pháp theo định dạng dd/mm/yyyy.
7	QuocTich	String (36 ký tự)	x	Điền quốc tịch của Người đại diện hợp pháp. Tối đa 36 ký tự

<b>TT</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Kiểu dữ liệu</b>	<b>Bắt buộc</b>	<b>Mô tả</b>
8	TenDvcntt	String (150 ký tự)	x	Điền tên của ĐVCNTT theo Giấy tờ đăng ký kinh doanh. Tối đa 150 ký tự.
9	loaiHinhKinhDoanh	String (150 ký tự)	x	Điền loại hình kinh doanh theo giấy tờ đăng ký kinh doanh. Tối đa 300 ký tự.
10	MaSoThue	String (13 ký tự)		Mã định danh điện tử của tổ chức/Mã số thuế (nếu có). Điền một trong số các giá trị sau: 1,2: 1- Mã định danh tổ chức-XXXXXX 2- Mã số thuế-XXXXXXX Điền dạng số viết liền có ký tự từ 8 đến 15 ký tự.
11	DienThoai	String (120 ký tự)	x	Điền số điện thoại đăng ký dịch vụ Mobile banking (mở và sử dụng tài khoản nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ). Tối đa 120 ký tự từ số 0 đến số 9 và cho phép nhập 1 trong các ký tự ,;  để làm phân cách trường hợp nhiều số điện thoại.
12	DiaChi	String (300 ký tự)	x	Điền địa chỉ của ĐVCNTT. Tối đa 300 ký tự.
13	DiaChiMac	String (60 ký tự)	x	Điền địa chỉ kiểm soát truy cập phương tiện truyền thông - Media Access Control – MAC của thiết bị cài đặt Ứng dụng Mobile banking hoặc thiết bị chấp nhận thanh toán. Tối đa 60 ký tự.

<b>TT</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Kiểu dữ liệu</b>	<b>Bắt buộc</b>	<b>Mô tả</b>
14	SoImei	String (36 ký tự)		Điền số Mã số nhận dạng thiết bị di động quốc tế (International Mobile Equipment Identity - IMEI) của thiết bị cài đặt ứng dụng Mobile banking. Tối đa 36 ký tự.
15	SoTaiKhoan	String (36 ký tự)	x	Điền số tài khoản nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ. Chỉ điền các ký tự dạng số (từ 0 đến 9), viết liền. Tối đa 36 ký tự.
16	TenChuTaiKhoan	String (150 ký tự)	x	Điền tên chủ tài khoản của doanh nghiệp/hộ kinh doanh theo giấy tờ đăng ký kinh doanh/tên chủ hộ kinh doanh. Tối đa 150 ký tự.
17	NganHangMoTk	String (150 ký tự)	x	Điền tên ngân hàng mở tài khoản. Tối đa 150 ký tự.
18	LoaiTaiKhoan	Integer	x	Loại tài khoản. Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4 được mô tả như sau: 1. Tài khoản tổ chức (VNĐ); 2. Tài khoản tổ chức (Ngoại tệ); 3. Tài khoản cá nhân (VNĐ); 4. Tài khoản cá nhân (Ngoại tệ); 99. Chưa thu thập được.
19	TrangThaiTaiKhoa n	Integer	x	Trạng thái hoạt động của tài khoản. Chọn 1 trong các số 1, 2, 3, 4, 5 được mô tả như sau: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử;

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
				3. Tạm khóa; 4. Phong tỏa; 5. Đã đóng; 99. Chưa thu thập được.
20	NgayMoTaiKhoan	String (10 ký tự)		Điền ngày mở tài khoản theo định dạng dd/mm/yyyy.
21	GhiChu	String (500 ký tự)		Điền thông tin ghi chú nếu có. Tối đa 500 ký tự.

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại
3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
<b>URL</b>	<a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/dvcntt/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-danh-sach-dvcntt-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/dvcntt/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-danh-sach-dvcntt-api</a>
<b>Request header</b>	
maYeuCau	Được sinh tự động từ phía các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin điện
kyBaoCao	Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy)
<b>Method</b>	POST
<b>Content-Type</b>	application/json
<b>Authorization</b>	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
<b>Request Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 ĐVCNTT trong 1 lần gửi báo cáo)
<b>Response Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên

### 1.31 Dịch vụ thu thập danh sách Thẻ ngân hàng định kỳ

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	Cif	String (36 ký tự)	X	Điền số CIF của khách hàng, tối đa 36 ký tự
2	SoId	String (15 ký tự)	X	Số ID của khách hàng Ưu tiên điền số CCCD. Tối đa 15 kí tự.
3	LoaiId	Integer	X	Loại ID, điền một trong số các giá trị sau: 1,2,3,4,5,6,7: 1. Thẻ căn cước công dân; 2. Thẻ căn cước; 3. Chứng minh nhân dân; 4. Hộ chiếu; 5. Giấy chứng nhận căn cước; 6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7. Giấy tờ khác; 99. Chưa thu thập được.
4	TenChuTheHoacNguoiUyQuyen	String (150 ký tự)	X	Điền Họ và tên của khách hàng theo giấy tờ của loại ID. Tối đa 150 ký tự
5	NgaySinh	String (10 ký tự)	X	Điền ngày sinh của khách hàng theo định dạng dd/mm/yyyy.
6	GioiTinh	Integer	X	Giới tính của khách hàng. Điền một trong 3 giá trị sau: 0, 1, 2: 0-Nữ 1-Nam 2-Khác.
7	QuocTich	String (36 ký tự)	X	Điền quốc tịch khách hàng, tối đa 36 kí tự
8	DienThoai	String (120 ký tự)	X	Số điện thoại của khách hàng. Tối đa 120 ký tự từ số 0 đến số 9 và cho phép nhập 1 trong các ký tự ,;  để làm phân cách trường hợp nhiều số điện

<b>TT</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Kiểu dữ liệu</b>	<b>Bắt buộc</b>	<b>Mô tả</b>
				thoại.
9	DiaChi	String (300 ký tự)	X	Điền địa chỉ của khách hàng, tối đa 300 ký tự.
10	DiaChiMac	String (60 ký tự)		Điền địa chỉ kiểm soát truy cập phương tiện truyền thông - Media Access Control – MAC của thiết bị cài đặt Ứng dụng sử dụng thẻ. Tối đa 60 ký tự
11	SoImei	String (36 ký tự)		Điền số Mã số nhận dạng thiết bị di động quốc tế (International Mobile Equipment Identity - IMEI) của thiết bị cài đặt ứng dụng sử dụng thẻ. Tối đa 36 ký tự.
12	SoThe	String (36 ký tự)	X	Điền số thẻ viết liền, tối đa 36 ký tự. Là kí tự từ 0 đến 9.
13	LoaiThe	Integer	X	Loại thẻ (ghi nợ, tín dụng, trả trước định danh). Điene một trong số các giá trị sau: 1,2,3: 1- thẻ ghi nợ 2- thẻ tín dụng 3- thẻ trả trước định danh; 99- Chưa thu thập được.
14	NgayPhatHanh	String (10 ký tự)	X	Điền ngày phát hành thẻ theo định dạng mm/yyyy.
15	ThoiHanHieuLuc	String (10 ký tự)	X	Điền ngày hết hạn thẻ theo định dạng mm/yyyy.
16	BIN	String (10 ký tự)	X	Điền dãy BIN thẻ viết liền, tối đa 10 ký tự. Là kí tự từ 0 đến 9.
17	TrangThaiThe	Integer	X	Trạng thái thẻ. Điene một trong số các giá trị sau: 1,2,3,4,5: 1. Đang hoạt động;

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
				2. Tạm dừng giao dịch; 3. Tạm khóa; 4. Thu hồi; 5. Hết hiệu lực; 99. Chưa thu thập được.
18	PhuongThucMoThe	Integer		Phương thức mở thẻ. Điền một trong các giá trị sau: 1, 2: 1- Mở tại quầy; 2- Mở qua eKYC; 99- Chưa thu thập được.

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại
3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
URL	<a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tnh/1.0/upload-bao-cao-danh-sach-tnh-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tnh/1.0/upload-bao-cao-danh-sach-tnh-api</a>
Request header	
maYeuCau	Được sinh tự động từ phía các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin điện
kyBaoCao	Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy)
Method	POST
Content-Type	application/json
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
Request Body	
Body	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên

	(Không vượt quá 10,000 Thẻ ngân hàng trong 1 lần gửi báo cáo)
<b>Response Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên

### 1.32 Dịch vụ thu thập danh sách Thẻ ngân hàng nghi ngờ gian lận

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	Cif	String (36 ký tự)	X	Điền số CIF của khách hàng, tối đa 36 ký tự
2	TenChuTheHoacNgoiUyQuyen	String (150 ký tự)	X	Điền Họ và tên của khách hàng theo giấy tờ của loại ID. Tối đa 150 ký tự
3	SoThe	String (36 ký tự)	X	Điền số thẻ viết liền, tối đa 36 ký tự. Là ký tự từ 0 đến 9.
4	LoaiThe	Integer	X	Loại thẻ. Điene một trong số các giá trị sau: 1,2,3: 1- thẻ ghi nợ; 2- thẻ tín dụng; 3- thẻ trả trước định danh; 99- Chưa thu thập được.
5	TrangThaiThe	Integer	X	Trạng thái thẻ. Điene một trong số các giá trị sau: 1,2,3,4,5: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm dừng giao dịch; 3. Tạm khóa; 4. Thu hồi; 5. Hết hiệu lực; 99. Chưa thu thập được.
6	NghiNgo	Integer	X	Nội dung nghi ngờ được đánh số theo quy định của VTT. Điene một trong các giá trị sau: 0,1,2,3,4,5,6,7,8,9 Trong đó:

<b>TT</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Kiểu dữ liệu</b>	<b>Bắt buộc</b>	<b>Mô tả</b>
				<p>0 - Không nghi ngờ gian lận</p> <p>1. Thẻ ghi nợ gắn với tài khoản thanh toán, ví điện tử nằm trong danh sách tài khoản thanh toán, ví điện tử nghi ngờ gian lận, giả mạo, vi phạm pháp luật;</p> <p>2. Thông tin, tài liệu, dữ liệu do chủ thẻ cung cấp khi giao kết hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ và trong quá trình sử dụng thẻ không trùng khớp với thông tin của cá nhân đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;</p> <p>3. Thẻ nằm trong danh sách được quảng cáo, mua, bán, trao đổi trên các website, hội nhóm trên không gian mạng;</p> <p>4. Thẻ phát sinh các giao dịch với địa điểm, thời gian, tần suất bất thường;</p> <p>5. Giá trị, số lượng giao dịch lớn, bất thường không phù hợp với nghề nghiệp, độ tuổi, địa chỉ cư trú, lịch sử giao dịch và hành vi, ... của chủ thẻ;</p> <p>6. Giao dịch sai PIN, OTP, thông tin thẻ nhiều lần;</p> <p>7. Khách hàng thuộc danh sách cảnh báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan Công an hoặc cơ quan có thẩm quyền khác;</p> <p>8. Giao dịch thanh toán không tại đơn vị chấp nhận thẻ, giao dịch thẻ tại đơn vị chấp nhận</p>

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
				<p>thẻ ở nước ngoài kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không hợp pháp theo quy định pháp luật hoặc tại đơn vị chấp nhận thẻ nằm trong danh sách đơn vị chấp nhận thanh toán nghi ngờ gian lận, giả mạo, vi phạm pháp luật;</p> <p>9. Dấu hiệu khác: ghi chú rõ nội dung cụ thể (footnote) đối với thông tin này.</p>
7	GhiChu	String (500 ký tự)		Điền thông tin ghi chú nếu có, tối đa 500 ký tự

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại
3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
<b>URL</b>	<a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tnh/1.0/upload-bao-cao-danh-sach-tnh-nnql-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tnh/1.0/upload-bao-cao-danh-sach-tnh-nnql-api</a>
Request header	
maYeuCau	Được sinh tự động từ các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin điện
kyBaoCao	Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy)
<b>Method</b>	POST
<b>Content-Type</b>	application/json
<b>Authorization</b>	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
<b>Request Body</b>	

<b>Body</b>	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 Thẻ ngân hàng NNGL trong 1 lần gửi báo cáo)
<b>Response Body</b>	
<b>Body</b>	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên

### 1.33 Dịch vụ thu thập danh sách cập nhật Thẻ ngân hàng nghi ngờ gian lận

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	Cif	String (36 ký tự)	X	Điền số CIF của khách hàng, tối đa 36 ký tự
2	TenChuTheHoacNgoiUyQuyen	String (150 ký tự)	X	Điền Họ và tên của khách hàng theo giấy tờ của loại ID. Tối đa 150 ký tự
3	SoThe	String (36 ký tự)	X	Điền số thẻ viết liền, tối đa 36 ký tự. Là ký tự từ 0 đến 9.
4	LoaiThe	Integer	X	Loại thẻ. Điền một trong số các giá trị sau: 1,2,3: 1- thẻ ghi nợ; 2- thẻ tín dụng; 3- thẻ trả trước định danh; 99- Chưa thu thập được.
5	TrangThaiThe	Integer	X	Trạng thái thẻ. Điền một trong số các giá trị sau: 1,2,3,4,5: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm dừng giao dịch; 3. Tạm khóa; 4. Thu hồi; 5. Hết hiệu lực; 99. Chưa thu thập được.
6	NghiNgo	Integer	X	Nội dung nghi ngờ được đánh số theo quy định của VTT. Điền một trong các giá trị sau: 0,1,2,3,4,5,6,7,8,9 Trong đó: 0 - Không nghi ngờ gian lận 1. Thẻ ghi nợ gắn với tài khoản thanh toán, ví điện tử nằm trong danh sách tài khoản thanh toán, ví điện tử nghi ngờ

<b>TT</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Kiểu dữ liệu</b>	<b>Bắt buộc</b>	<b>Mô tả</b>
				<p>gian lận, giả mạo, vi phạm pháp luật;</p> <p>2. Thông tin, tài liệu, dữ liệu do chủ thẻ cung cấp khi giao kết hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ và trong quá trình sử dụng thẻ không trùng khớp với thông tin của cá nhân đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;</p> <p>3. Thẻ nằm trong danh sách được quảng cáo, mua, bán, trao đổi trên các website, hội nhóm trên không gian mạng;</p> <p>4. Thẻ phát sinh các giao dịch với địa điểm, thời gian, tần suất bất thường;</p> <p>5. Giá trị, số lượng giao dịch lớn, bất thường không phù hợp với nghề nghiệp, độ tuổi, địa chỉ cư trú, lịch sử giao dịch và hành vi, ... của chủ thẻ;</p> <p>6. Giao dịch sai PIN, OTP, thông tin thẻ nhiều lần;</p> <p>7. Khách hàng thuộc danh sách cảnh báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan Công an hoặc cơ quan có thẩm quyền khác;</p> <p>8. Giao dịch thanh toán không tại đơn vị chấp nhận thẻ, giao dịch thẻ tại đơn vị chấp nhận thẻ ở nước ngoài kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không hợp pháp theo quy định pháp luật hoặc tại đơn vị chấp nhận thẻ nằm trong danh sách đơn vị</p>

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
				chấp nhận thanh toán nghi ngờ gian lận, giả mạo, vi phạm pháp luật; 9. Dấu hiệu khác: ghi chú rõ nội dung cụ thể (footnote) đối với thông tin này.
7	LyDoCapNhat	String (500 ký tự)	X	Điền thông tin Lý do cập nhật lại danh sách thẻ nghi ngờ gian lận, tối đa 500 ký tự
8	GhiChu	String (500 ký tự)		Điền thông tin ghi chú nếu có. Tối đa 500 ký tự.

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại
3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
URL	<a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tnh/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-danh-sach-tnh-nngl-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tnh/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-danh-sach-tnh-nngl-api</a>
Request header	
maYeuCau	Được sinh tự động từ các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin điện
kyBaoCao	Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy)
Method	POST
Content-Type	application/json
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
Request Body	
Body	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 Thẻ ngân hàng NNGL trong 1 lần gửi báo cáo)

## **Response Body**

<b>Body</b>	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên
-------------	---

### 1.34 Dịch vụ thu thập danh sách cập nhật Thẻ ngân hàng

- Đặc tả đầu vào API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	Cif	String (36 ký tự)	X	Điền số CIF của khách hàng, tối đa 36 ký tự
2	SoId	String (15 ký tự)	X	Số ID của khách hàng Ưu tiên điền số CCCD. Tối đa 15 ký tự.
3	LoaiId	Integer	X	Loại ID, điền một trong số các giá trị sau: 1,2,3,4,5,6,7: 1. Thẻ căn cước công dân; 2. Thẻ căn cước; 3. Chứng minh nhân dân; 4. Hộ chiếu; 5. Giấy chứng nhận căn cước; 6. Tài khoản định danh và xác thực điện tử; 7. Giấy tờ khác; 99. Chưa thu thập được.
4	TenChuTheHoa cNguoiUyQuyen	String (150 ký tự)	X	Điền Họ và tên của khách hàng theo giấy tờ của loại ID. Tối đa 150 ký tự
5	NgaySinh	String (10 ký tự)	X	Điền ngày sinh của khách hàng theo định dạng dd/mm/yyyy.
6	GioiTinh	Integer	X	Giới tính của khách hàng. Điền một trong 3 giá trị sau: 0, 1, 2: 0-Nữ 1-Nam 2-Khác.
7	QuocTich	String (36 ký tự)	X	Điền quốc tịch khách hàng, tối đa 36 ký tự
8	DienThoai	String (120 ký tự)	X	Số điện thoại của khách hàng. Tối đa 120 ký tự từ số 0 đến số 9 và cho phép nhập 1 trong các ký tự ;  để

<b>TT</b>	<b>Tên trường</b>	<b>Kiểu dữ liệu</b>	<b>Bắt buộc</b>	<b>Mô tả</b>
				làm phân cách trường hợp nhiều số điện thoại.
9	DiaChi	String (300 ký tự)	X	Điền địa chỉ của khách hàng, tối đa 300 ký tự.
10	DiaChiMac	String (60 ký tự)		Điền địa chỉ kiểm soát truy cập phương tiện truyền thông - Media Access Control – MAC của thiết bị cài đặt Ứng dụng sử dụng thẻ. Tối đa 60 ký tự
11	SoImei	String (36 ký tự)		Điền số Mã số nhận dạng thiết bị di động quốc tế (International Mobile Equipment Identity - IMEI) của thiết bị cài đặt ứng dụng sử dụng thẻ. Tối đa 36 ký tự.
12	SoThe	String (36 ký tự)	X	Điền số thẻ viết liền, tối đa 36 ký tự. Là kí tự từ 0 đến 9.
13	LoaiThe	Integer	X	Loại thẻ (ghi nợ, tín dụng, trả trước định danh). Điene một trong số các giá trị sau: 1,2,3: 1- thẻ ghi nợ 2- thẻ tín dụng 3- thẻ trả trước định danh; 99- Chưa thu thập được.
14	NgayPhatHanh	String (10 ký tự)	X	Điền ngày phát hành thẻ theo định dạng mm/yyyy.
15	ThoiHanHieuLuc	String (10 ký tự)	X	Điền ngày hết hạn thẻ theo định dạng mm/yyyy.
16	BIN	String (10 ký tự)	X	Điền dãy BIN thẻ viết liền, tối đa 10 ký tự. Là kí tự từ 0 đến 9.
17	TrangThaiThe	Integer	X	Trạng thái thẻ. Điene một trong số các giá trị sau: 1,2,3,4,5: 1. Đang hoạt động; 2. Tạm dừng giao dịch;

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
				3. Tạm khóa; 4. Thu hồi; 5. Hết hiệu lực; 99. Chưa thu thập được.
18	PhuongThucMoThe	Integer		Phương thức mở thẻ. Điện một trong các giá trị sau: 1, 2: 1- Mở tại quầy; 2- Mở qua eKYC; 99- Chưa thu thập được.
19	GhiChu	String (500 ký tự)		Điện nội dung ghi chú nếu có, tối đa 500 ký tự

- Đặc tả đầu ra API:

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	code	String	Mã kết quả trả về 00: Thành công Khác 00: Thất bại
2	message	String	Nội dung thông báo trong trường hợp thất bại
3	success	Boolean	True: tiếp nhận dữ liệu thành công, False: tiếp nhận dữ liệu thất bại

- Chi tiết dịch vụ:

Địa chỉ kết nối	
URL	<a href="https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tnh/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-danh-sach-tnh-api">https://mgsimo.sbv.gov.vn/simo/tnh/1.0/upload-bao-cao-cap-nhat-danh-sach-tnh-api</a>
Request header	
maYeuCau	Được sinh tự động từ phía các NHTM, dùng để định danh các lần gửi tin điện
kyBaoCao	Kỳ thực hiện báo cáo (theo định dạng mm/yyyy)
Method	POST
Content-Type	application/json
Authorization	Bearer {token} (token sinh ra từ API lấy thông tin token phía trên)
Request Body	
Body	Định dạng json array với các thuộc tính mô tả đầu vào ở mục trên (Không vượt quá 10,000 Thẻ ngân hàng trong 1 lần gửi báo cáo)

**Response Body**

<b>Body</b>	Định dạng json với các thuộc tính mô tả đầu ra ở mục trên
-------------	---

## TÊN NGÂN HÀNG/TỔ CHỨC TGTT

### **Mẫu 01: Đăng ký thông tin kết nối hệ thống SIMO qua kênh tin điện (API)**

#### **I. Thông tin tổ chức**

- Tên tổ chức: .....
- Mã ngân hàng (mã 8 số được NHNN cấp):.....
- Thông tin người lập biểu: .....
- + Họ và tên:.....
- + Email:..... Điện thoại di động:.....

#### **II. Thông tin đăng ký IP**

STT	Địa chỉ(*)	Ghi chú

#### **III. Đăng ký sử dụng username, password, consumer-key, consumer-secret**

- Email nhận thông tin username, password, consumer-key, consumer-secret:

#### **IV. Cam kết**

<TÊN NGÂN HÀNG/TỔ CHỨC TGTT> cam kết hệ thống thông tin từ của TCTD, TGTT kết nối tới hệ thống SIMO qua kênh tin điện phải có Hồ sơ cấp độ an toàn hệ thống thông tin được phê duyệt, phương án bảo đảm an toàn thông tin phải đáp ứng các yêu cầu an toàn cấp độ 3 trở lên theo quy định tại Nghị định 85/2016/NĐ-CP của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**TỔNG GIÁM ĐỐC/GIÁM ĐỐC**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:** (\*) Nếu kết nối qua đường Extranet (tổ chức tín dụng) thì khai báo địa chỉ IP máy trạm, kết nối qua đường Internet (tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán) thì khai báo IP Public của máy trạm